VINH HOAN

SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO - KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Tên tiếng Anh: **VINH HOAN CORPORATION**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **1400112623**

Vốn điều lệ: **1.833.769.560.000**

Địa chỉ: **Quốc lộ 30, Phường 11,**
Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: **+84 277 389 1166**

Fax: **+84 277 389 1062**

Website: **www.vinhhoan.com**

Mã cổ phiếu: **VHC**

MỤC LỤC

1. THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 09

2. CÂU CHUYỆN CỦA CHÚNG TÔI 13

3. THÔNG TIN CÔNG TY 17

3.1 TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI 18

3.2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN 20

3.3 CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH 24

3.4 DANH MỤC SẢN PHẨM 25

3.5 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ 30

3.6 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC 32

3.7 GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 34

3.8 GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC 42

3.9 GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT 50

4. BÁO CÁO 53

4.1 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 54

- Tình hình phát triển và kinh doanh sản phẩm trong năm 2019 54
- Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2019 62
- Kế hoạch năm 2020 65

4.2 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC 70

- Tóm tắt tình hình chung năm 2019 70
- Các sự kiện nổi bật của Vĩnh Hoàn trong năm 2019 76
- Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh 77

4.3 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT 82

- Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2019 82
- Kế hoạch năm 2020 83

4.4 CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT 84

4.5 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU 86

5. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY 91

6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31-12-2019 103

1

THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Năm 2019 là năm có diễn biến đảo chiều giá cá tra nguyên liệu nhanh nhất trong lịch sử của ngành. Sau năm 2017 và 2018 tăng mạnh đột biến, giá cá tra nguyên liệu giảm liên tục đến cuối năm 2019. Điều này đã làm ảnh hưởng đến tổng giá trị xuất khẩu của ngành cá tra năm 2019, chỉ đạt 2 tỷ USD, giảm 11,4% so với năm 2018.

Vĩnh Hoàn cũng không là một ngoại lệ, doanh thu hợp nhất năm 2019 của Công ty đạt 7.867 tỷ đồng, giảm 15% so với năm 2018. Mặc dù vậy, lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019 của Vĩnh Hoàn đạt 1.179 tỷ đồng, là mức lợi nhuận cao nhất ngành thủy sản Việt Nam. Con số này được đánh giá là kết quả của những nỗ lực rất lớn của toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty và sự đúng đắn trong chiến lược dài hạn của Công ty. Đây cũng là năm thứ hai liên tiếp, Vĩnh Hoàn là đại diện duy nhất của ngành thủy sản nằm trong câu lạc bộ khoảng 50 doanh nghiệp lãi nghìn tỷ của chứng khoán Việt Nam.

Kính thưa Quý vị, điểm sáng đáng tự hào của Vĩnh Hoàn là dòng sản phẩm Wellness - kết quả của hoạt động ứng dụng công nghệ cao chiết xuất gelatin và collagen từ da cá tra – chuyển sản phẩm phụ giá trị thấp thành sản phẩm công nghệ cao với giá trị cao hơn nhiều lần so với sản phẩm chính. Bí quyết của sự thành công là do chúng tôi có được đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật trẻ, nhiệt tình, đam mê sáng tạo và làm chủ hoàn toàn được công nghệ.

Chúng tôi đã có từng bước đi vững chắc từ sản xuất ở phòng thí nghiệm đến thực hành sản xuất thực nghiệm quy mô nhỏ, từng bước khảo nghiệm sản phẩm lưu hành ở thị trường trong và ngoài nước sau đó mới đến xây dựng nhà xưởng quy mô lớn.

Song song đó câu chuyện về mô hình sản xuất khép kín từ nguồn nguyên liệu cá tra nuôi trồng bền vững của chúng tôi đã chinh phục được các khách hàng khó tính nhất trong ngành sản phẩm sức khỏe. Các đơn hàng dài hạn được ký kết giúp nhà máy luôn ở tình trạng lấp đầy công suất.

Kết quả kinh doanh của Vĩnh Hoàn Collagen đã đóng góp vào thành tựu của Vĩnh Hoàn không những về giá trị kinh tế mà còn có ý nghĩa về tư duy chiến lược của Công ty trong những năm tiếp theo.

Năm 2020 và các năm tới chúng tôi tập trung đầu tư vào nguồn nhân lực, công nghệ trong toàn chuỗi cung ứng, các giải pháp công nghệ trong sinh sản cá để tạo ra giống cá tra chất lượng cao, xây dựng mô hình nuôi tiên tiến hơn. Kỹ thuật số, công nghệ sinh học được chú trọng đầu tư trong toàn chuỗi cung ứng với mong muốn cải tiến hệ thống quản trị và quản lý sản xuất kinh doanh hiệu quả nhất.

Bên cạnh đó chúng tôi tiếp tục nâng cao giá trị phụ phẩm thông qua đầu tư xây dựng dây chuyền tinh luyện mỡ cá, tiếp tục nghiên cứu đưa ra thị trường nhiều dòng sản phẩm collagen cao cấp có giá trị cao, đa dạng hóa sản phẩm thủy sản chế biến để hệ thống mạng lưới kênh bán hàng của Vĩnh Hoàn được phát huy hiệu quả cao nhất.

Tiếp tục phát huy thành tựu các năm trước, đội ngũ cán bộ công nhân viên Vĩnh Hoàn không ngừng trau dồi kiến thức qua các hoạt động đào tạo chuyên môn và giáo dục tư duy cộng đồng. Chúng tôi luôn tri ân các khách hàng, đối tác, sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, các nhà đầu tư đã đồng hành cùng chúng tôi trong thời gian qua, giúp chúng tôi tự tin hướng đến bước đột phá mới của ngành cá tra trong tương lai.

Trân trọng.
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trương Thị Lệ Khanh

2

CÂU CHUYỆN CỦA CHÚNG TÔI

Nhìn lại chặng đường hơn 20 năm không ít cam go và thử thách, Vĩnh Hoàn có thể tự hào là một trong doanh nghiệp đã nỗ lực phát triển không ngừng, trở thành doanh nghiệp đứng đầu ngành cá tra Việt Nam.

Bắt nguồn từ những bữa ăn từ cá tra, cá basa mộc mạc đã trở thành biểu tượng cho cuộc sống đầm ấm, hạnh phúc bên mâm cơm gia đình của người miền Tây, Vĩnh Hoàn đã sớm nhận ra món quà quý giá từ dòng sông Mekong để làm tiền đề cho sự phát triển và hưng thịnh của ngành sản xuất cá tra. Khởi nghiệp là một phân xưởng nhỏ đi thuê ở miền Tây với năng suất hàng ngày chỉ có 10 tấn cá, sau đó đến ngày 27 tháng 12 năm 1997, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vĩnh Hoàn chính thức được thành lập đáp ứng yêu cầu mở rộng và quy hoạch nhà máy theo chuẩn HACCP. Cái tên Vĩnh Hoàn được lập ra với ý nghĩa Vĩnh là vĩnh viễn, Hoàn là hoàn cầu, nghĩa là Vĩnh Hoàn sẽ tồn tại mãi mãi trên hoàn cầu như một ngôi sao.

Vĩnh Hoàn ngày nay có hơn 6.000 công nhân viên với năm nhà máy chế biến cá tra phi lê, và các sản phẩm giá trị gia tăng, hai xưởng sản xuất bột cá, mỡ cá và nhà máy chiết xuất collagen, gelatin từ da cá. Trên tinh thần cải tiến không ngừng và khác biệt để phát triển, tập thể Vĩnh Hoàn mang trong mình tinh thần tái khởi nghiệp trong công cuộc đổi mới về khoa học công nghệ thông qua các dự án đã thử nghiệm và áp dụng, kết hợp trí tuệ trong và ngoài nước, kể cả các đúc kết kinh nghiệm thực tiễn để cải tiến từng công đoạn, áp dụng công nghệ cao trong sản xuất với mong muốn mang đến những sản phẩm ngon và chất lượng theo yêu cầu thị trường hướng đến sức khỏe, bổ dưỡng và tiện dụng.

Đối với ứng dụng công nghệ cao, không thể không kể đến dòng sản phẩm công nghệ cao collagen và gelatin mà Vĩnh Hoàn là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam đã nghiên cứu và phát triển thành công từ da cá tra, tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn cá tra từ quá trình chế biến phi lê. Năm 2014, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Vĩnh Hoàn Collagen ra đời đánh dấu bước ngoặt lớn trong lĩnh vực sản xuất công nghệ cao với việc lần đầu tiên tại Việt Nam, collagen và gelatin được sản xuất thành công. Sản phẩm collagen và gelatin được Vĩnh Hoàn sản xuất với độ tinh khiết cao, khả năng hòa tan và độ thẩm thấu tốt, độ tương thích cao với collagen tự nhiên của cơ thể nên dễ dàng hấp thụ bởi cơ thể, đồng nhất về nguồn gốc.

Năm 2019, ghi nhận sự thành công vượt trội của mảng kinh doanh collagen với lợi nhuận sau thuế vượt qua con số kế hoạch 180 tỷ và doanh số tăng trưởng gần gấp đôi so với năm 2018. Với kết quả này, Vĩnh Hoàn đã tiếp tục triển khai dự án đầu tư mở rộng, nâng cao công suất nhà máy collagen thêm 75% đạt 3.500 tấn thành phẩm trong năm 2020. Dự kiến dây chuyền mở rộng sẽ được đưa vào hoạt động từ giữa năm 2020 và giúp lợi nhuận tăng thêm 50%. Từ nhà máy ra thị trường là một chặng đường khó khăn, tuy nhiên với sự thành công từ kết quả đã đạt được, năm 2020 sẽ là một năm mà sản phẩm công nghệ cao của Vĩnh Hoàn sẽ ngày càng phát triển cùng với triển vọng tươi sáng phía trước.

3

THÔNG TIN CÔNG TY

3.1 TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

3.2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

3.3 CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

3.4 DANH MỤC SẢN PHẨM

3.5 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

3.6 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

3.7 GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3.8 GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC

3.9 GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

3.1 TẦM NHÌN SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

SỨ MỆNH

Khẳng định vị thế và phát triển tiềm năng của nuôi trồng thủy sản bền vững trên thế giới thông qua cải tiến liên tục, bảo vệ môi trường và cải thiện hiệu quả trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

TẦM NHÌN

Trở thành Công ty dẫn đầu về sản phẩm thủy sản nuôi trồng bền vững, góp phần xây dựng một thế giới thực phẩm an toàn, ngon, tốt cho sức khỏe và bảo vệ môi trường.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Thể hiện ở 5C

- CAM KẾT: Nói đúng và hành động đúng
- CẢI TIẾN: Không ngừng khác biệt để phát triển
- CỐNG HIẾN: Làm việc bằng cả tấm lòng, không vì lợi ích cá nhân
- CHIA SẺ: Sẵn lòng cho đi cũng là hạnh phúc nhận về
- CHUYÊN NGHIỆP: Tuân thủ và tốc độ trong mọi hành động

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Đáp ứng hơn sự mong đợi của khách hàng, trung thực trong kinh doanh và tuân thủ luật pháp.

3.2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Vĩnh Hoàn được thành lập năm 1997 tại tỉnh Đồng Tháp thuộc đồng bằng sông Cửu Long, chuyên nuôi trồng và chế biến các sản phẩm cá tra đông lạnh. Hiện nay, Vĩnh Hoàn đã vươn lên dẫn đầu ngành cá tra về nuôi trồng, sản xuất, và xuất khẩu. Để đạt được vị thế đó, Công ty đã trải qua hành trình hơn 20 năm hình thành và phát triển với nhiều mốc son đáng nhớ:

1997
Bà Trương Thị Lệ Khanh sáng lập Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Hoàn.

1998
Chuyển đổi mô hình doanh nghiệp sang Công ty TNHH Vĩnh Hoàn.

1999
Xí nghiệp chế biến thủy sản đầu tiên tại Thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đi vào hoạt động.

2000
• Được cấp mã số xuất khẩu sang thị trường Châu Âu (DL.147).

2005
Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000, ISO 14001:2004, BRC: 2005 và IFS phiên bản 4.

2007
• Xí nghiệp chế biến thủy sản thứ hai (DL.61) đi vào hoạt động;
• Chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2008
• Xí nghiệp chế biến thủy sản thứ ba (DL.500) đi vào hoạt động.

2010
• Vượt lên đứng đầu ngành cá tra Việt Nam về kim ngạch xuất khẩu theo thống kê của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam ("VASEP");
• Đạt chứng nhận GLOBALG.A.P. về nuôi cá tra;
• Đạt tiêu chuẩn ISO 22000 cho hệ thống quản lý chất lượng.

2011
• Nhận Huân chương Lao động hạng ba cho tập thể Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn và bà Trương Thị Lệ Khanh, Tổng Giám đốc theo Quyết định số 150/QĐ-CTN ngày 28/01/2011 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam;
• Nhận giải thưởng Best Retail Product trong cuộc thi Seafood Prix d'Elite 2011 tại hội chợ European Seafood Exhibition tại Brussel, Bỉ;
• Đạt chứng nhận BAP (Best Aquaculture Practice) với cấp độ "2 sao" cho nhà máy chế biến và vùng nuôi.

2012
• Nhận Huân chương Lao động hạng nhì cho tập thể Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn theo Quyết định số 1261/QĐ-CTN ngày 21/08/2012 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam;
• Vĩnh Hoàn là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên nhận chứng nhận nuôi bền vững ASC (Aquaculture Stewardship Council) cho trại nuôi cá tra.

2014
• Vĩnh Hoàn là công ty thủy sản duy nhất lọt vào Tốp 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam của tạp chí Forbes (Việt Nam);
• Lọt vào Tốp 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn.

2015
• Nhà máy Collagen và Gelatin đi vào hoạt động từ tháng 03/2015 và nhanh chóng đạt các tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001, GMP-WHO và Halal;
• Tháng 06/2015, Vĩnh Hoàn tiếp tục nằm trong Tốp 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam của tạp chí Forbes (Việt Nam).

2016

• Nâng giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài lên 100% giúp Công ty tăng khả năng thu hút nhà đầu tư chiến lược trong tương lai;
• Vĩnh Hoàn tiếp tục được vinh danh trong Tốp 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam của tạp chí Forbes (Việt Nam);
• Nhận Huân chương Lao động hạng nhất cho tập thể Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn theo quyết định số 2248/QĐ-CTN ngày 20/09/2016 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam;
• Bà Trương Thị Lệ Khanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị nhận Huân chương Lao động hạng nhì theo Quyết định số 2262/QĐ-CTN ngày 25/10/2016 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam;
• Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm – Tổng Giám đốc và ông Huỳnh Đức Trung – Giám đốc dự án nhận Huân chương Lao động hạng ba theo Quyết định số 2053/QĐ-CTN ngày 20/09/2016 và Quyết định số 166/QĐ-CTN ngày 18/01/2016 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam.

2017

• Mua lại 100% cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy sản Thanh Bình Đồng Tháp, một bước đi quan trọng trong chiến lược gia tăng năng lực sản xuất của Công ty;
• Chủ tịch HĐQT – Bà Trương Thị Lệ Khanh được tạp chí Forbes Việt Nam vinh danh trong danh sách 50 Phụ nữ có ảnh hưởng nhất Việt Nam năm 2017;
• Lần thứ 4, Vĩnh Hoàn được tạp chí Forbes Việt Nam vinh danh trong Tốp 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2017;
• Tiếp tục lọt vào Tốp Danh sách 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2016 của Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư.

2018

• Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) công bố dự thảo về việc công nhận tương đồng cho cá tra nhập khẩu từ Việt Nam;
• Sản phẩm cơm nắm Onigiri Rice Ball lọt vào vòng chung kết của cuộc thi Seafood Excellence Global Awards tại Seafood Expo Global 2018, Brussels;

2018

• Góp 100% vốn (300 tỷ đồng) thành lập Công ty TNHH Thực phẩm Vĩnh Phước với công suất chế biến fillet đạt 150 tấn cá nguyên liệu/ngày;
• Lần thứ 5 liên tiếp được vinh danh trong Tốp 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam của tạp chí Nhịp cầu đầu tư;

2018

• Vĩnh Hoàn được Bộ Công thương vinh danh trong danh sách "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2018";
• Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng danh hiệu "Doanh nghiệp vì Nhà nông" và giải thưởng "Bông lúa vàng";

2018

• Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chi nhánh Cần Thơ vinh danh Vĩnh Hoàn là "Doanh nghiệp phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)" và "Doanh nghiệp tiêu biểu ĐBSCL năm 2018". Bà Trương Thị Lệ Khanh - Chủ tịch HĐQT Vĩnh Hoàn – cũng đồng thời được vinh danh là "Doanh nhân vì cộng đồng ĐBSCL" và "Doanh nhân tiêu biểu ĐBSCL năm 2018".

2019

• Vào tháng tháng 1 năm 2019, Vĩnh Hoàn tự hào giành được giải thưởng "Sáng tạo của Năm" do Woolworths trao cho sản phẩm Fish Bites;
• Chủ tịch HĐQT – Bà Trương Thị Lệ Khanh được Forbes Việt Nam bình chọn là một trong 50 phụ nữ có ảnh hưởng nhất năm 2019;
• Vĩnh Hoàn được vinh danh là một trong 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2019. Năm nay là năm thứ 6 liên tiếp xuất hiện trong danh sách Forbes kể từ năm 2014;

2019

• Vào tháng 9 năm 2019, Công ty TNHH Sản xuất Giống Cá tra Vĩnh Hoàn khởi công xây dựng. Khu cá giống mới này sẽ tập trung nghiên cứu và phát triển công nghệ mới, cải thiện quy trình nhằm sản xuất ra con giống chất lượng cao;
• Vào tháng 11 năm 2019, Cục Thanh tra An toàn Thực phẩm ("FSIS") thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ ("USDA") chính thức công nhận tương đương cho ngành cá tra Việt Nam.

3.3 CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế, mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản;
- Mua bán thủy hải sản, mua bán nông sản thực phẩm, súc sản phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản;
- Mua bán hóa chất phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản;
- Sản xuất bột cá;
- Sản xuất dầu mỡ, động thực vật;
- Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen thủy phân;
- Xuất nhập khẩu gelatin, collagen thủy phân, hóa dược phẩm; nhập khẩu hóa chất, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất Gelatin, Collagen thủy phân, hóa dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

3.4 DANH MỤC SẢN PHẨM

NGƯỜI TIÊU DÙNG, CÙNG VỚI CÁC XU HƯỚNG ẨM THỰC KHÔNG NGỪNG BIẾN ĐỔI, LÀ ĐỘNG LỰC VÀ NGUỒN CẢM HỨNG VÔ TẬN ĐỂ VĨNH HOÀN SÁNG TẠO CÁC SẢN PHẨM MỚI

Người tiêu dùng, cùng với các xu hướng ẩm thực không ngừng biến đổi, là động lực và nguồn cảm hứng vô tận để các công ty chế biến thực phẩm như Vĩnh Hoàn làm phong phú thêm danh mục sản phẩm, gia tăng sự thu hút với người tiêu dùng vốn có nhiều lựa chọn.

Chúng tôi thấu hiểu rằng người tiêu dùng hiện đại không có nhiều thời gian chế biến thức ăn, nhưng lại ưa thích trải nghiệm các sản phẩm ngon, độc đáo, bổ dưỡng, tiện lợi. Ngoài ra, xu hướng lựa chọn và trả một mức giá cao hơn cho các sản phẩm tự nhiên, hữu cơ, ghi nhãn rõ ràng với các thành phần có thể nhận biết, có tác động tối thiểu đến môi trường cũng đang dần phổ biến ở thị trường các quốc gia phát triển và đang phát triển.

Chính vì thế, Vĩnh Hoàn không ngừng sáng tạo các dòng sản phẩm thủy sản ngon, bổ dưỡng với thời gian chế biến nhanh, tiện lợi, giúp người tiêu dùng có những trải nghiệm ẩm thực đáng nhớ mà vẫn có thời gian tận hưởng bản thân và các khoảnh khắc bên người thân, bạn bè.

Bên cạnh đó, Công ty không ngừng nỗ lực là nhà cung cấp thủy sản có chất lượng cao được nuôi trồng bền vững. Chúng tôi đặt mối quan tâm hàng đầu vào chuỗi nuôi trồng và sản xuất chế biến có trách nhiệm với các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về ao nuôi, quy trình nuôi dưỡng chăm sóc cá và truy xuất nguồn gốc minh bạch theo các tiêu chuẩn BAP 4*, ASC từ khâu con giống, thức ăn, cá nguyên liệu đến khâu chế biến. Có thể nói, cá tra là loài thủy sản nuôi được kiểm soát chất lượng gắt gao nhất trên thế giới, nhằm trao đến tay người tiêu dùng sản phẩm tự nhiên, bổ dưỡng, an toàn, có khả năng truy xuất nguồn gốc, đồng thời tối thiểu hóa các tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng xã hội quanh vùng nuôi và nhà máy sản xuất.

Mối liên hệ mật thiết giữa quá trình nghiên cứu phát triển sản phẩm với tìm hiểu nhu cầu của người tiêu dùng đã giúp các dòng sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng dễ dàng đón nhận và đề cao. Vĩnh Hoàn đã đoạt giải "Sản phẩm bán lẻ tốt nhất" và giải "Sản phẩm dinh dưỡng và sức khỏe" cho hai sản phẩm Provocake (2011 - Winner of The Seafood Best Retail Product) và Seafood Harmony (2009 - Winner of the Seafood Prix D'elite Health and Nutrition) tại Seafood Expo Global, Bỉ. Năm 2018, sản phẩm cơm nắm nhân cá tra nướng – Onigiri – đã được chọn vào vòng Finalist tại Seafood Expo Global, Bỉ. Sản phẩm Fish Bites cũng được chuỗi siêu thị Woolworths trao giải "Sáng tạo của năm" trong năm 2019.

Danh mục sản phẩm năm 2019 của Vĩnh Hoàn gồm 4 nhóm sản phẩm chính: sản phẩm cá fillet, sản phẩm giá trị gia tăng, sản phẩm phụ và sản phẩm chăm sóc sức khỏe, cụ thể như sau:
- Sản phẩm cá tra fillet: các sản phẩm cá fillet đông lạnh;
- Sản phẩm giá trị gia tăng: các sản phẩm phổ biến là cá tẩm bột và cá tẩm gia vị;
- Sản phẩm phụ: gồm các sản phẩm tạo ra từ việc tận dụng nguyên liệu còn lại của quá trình chế biến cá fillet chủ yếu là bột cá và mỡ cá;
- Sản phẩm chăm sóc sức khỏe: gồm collagen và gelatin.

SẢN PHẨM CÁ FILLET

Sản phẩm chính và truyền thống của Vĩnh Hoàn là cá fillet được nuôi theo tiêu chuẩn bền vững, bảo vệ môi trường và chế biến với tiêu chuẩn quốc tế về an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Cá tra đã trở thành loài cá thịt trắng được tiêu dùng phổ biến trên thế giới nhờ vào một số đặc tính như sau:

• Phù hợp với nuôi trồng và dễ chế biến:
- Loài cá bản địa của dòng sông Mekong;
- Sinh sản dễ dàng;
- Khả năng chống chọi dịch bệnh cao;
- Hệ số chuyển đổi thức ăn thấp;
- Có thể nuôi bền vững;
- Dễ fillet sạch xương.

• Tính thương mại hóa cao:
- Thịt trắng, kết cấu đàn hồi tự nhiên, vị trung tính, phù hợp với các người dùng mọi độ tuổi;
- Dễ chế biến, phù hợp với tất cả các nền ẩm thực;
- Giá cả cạnh tranh so với các loài cá khác.

SẢN PHẨM GIÁ TRỊ GIA TĂNG

- Sản phẩm tẩm bột định hình
- Sản phẩm tẩm bột
- Sản phẩm tẩm gia vị
- Sản phẩm xiên que

SẢN PHẨM PHỤ

Vĩnh Hoàn tận dụng các nguyên liệu còn lại từ quá trình chế biến fillet, tối ưu hóa giá trị thu hồi của cá tra thông qua quá trình chế biến bột cá, mỡ cá và những sản phẩm phụ khác. Bột cá và mỡ cá được sử dụng phổ biến trong việc chế biến thức ăn gia súc, mỡ cá cao cấp cũng có thể dùng để chế biến thực phẩm. Vi cá, bong bóng cá được sử dụng phổ biến trong ẩm thực Châu Á.

SẢN PHẨM CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Vĩnh Hoàn là Công ty duy nhất tại Việt Nam đã ứng dụng công nghệ cao để nghiên cứu và phát triển thành công dòng sản phẩm collagen và gelatin từ da cá tra, từ đó tối ưu hóa việc sử dụng hiệu quả da cá từ quá trình chế biến cá fillet.

Sản phẩm collagen có khả năng hòa tan cao và 100% tự nhiên, không chứa phẩm màu, hương liệu, không chứa chất phụ gia, bảo quản. Sản phẩm này cũng không chứa chất béo, đường và cholesterol. Không giống như các sản phẩm collagen từ cá biển, collagen từ Vĩnh Wellness có hàm lượng muối thấp.

Bên cạnh đó, sản phẩm còn đạt chứng nhận Halal với việc nuôi và sản xuất nói không với các sản phẩm từ heo, bò. Điều này có nghĩa là các sản phẩm được chấp nhận rộng rãi trên khắp các nền văn hóa và tôn giáo trong ngành công nghiệp thực phẩm chức năng và làm đẹp.

Sản phẩm gelatin đáp ứng nhu cầu khắc khe nhất của ngành dược phẩm. Điều này cũng giúp sản phẩm gelatin Vĩnh Wellness trở thành một lựa chọn tốt để ứng dụng trong thực phẩm và đồ uống cao cấp.

Và cũng bởi sản phẩm gelatin này nói không với sản phẩm từ heo, bò nên sản phẩm được chấp nhận rộng rãi trên khắp các nền văn hóa và tôn giáo để sản xuất dược phẩm và bánh kẹo.

Sản phẩm collagen và gelatin từ Vĩnh Hoàn sản xuất có độ tinh khiết cao, khả năng hòa tan và độ thẩm thấu tốt, độ tương thích cao với collagen tự nhiên của cơ thể, dễ dàng hấp thụ bởi cơ thể, đồng nhất về nguồn gốc, đã đạt các chứng nhận uy tín như ASC, GMP, HACCP, HALAL, ISO 9001, ISO 14000, đã trở thành nguồn nguyên liệu được nhiều nhà sản xuất lớn trên thế giới lựa chọn.

CƠ CẤU SẢN PHẨM NĂM 2019

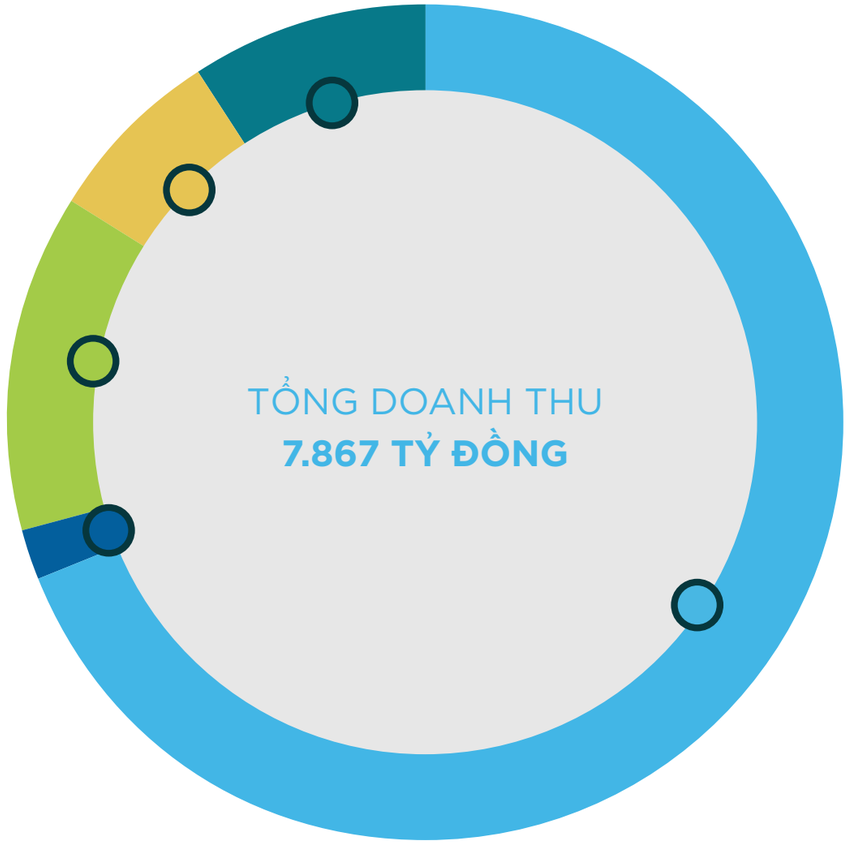

- **Cá tra fillet: 69%**
- **Sản phẩm Giá trị Gia tăng: 2%**
- **Sản phẩm Phụ: 13%**
- **Collagen & Gelatin: 7%**
- **Khác: 9%**

3.5 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

CÔNG TY TNHH MTV VĨNH HOÀN 4

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 1401711196 ngày 05 tháng 04 năm 2012 và được điều chỉnh lần gần nhất ngày 16 tháng 10 năm 2013 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp;

- Vốn điều lệ là 50.000.000.000 VNĐ. Vĩnh Hoàn chưa thực hiện góp vốn vào Công ty này;
- Ngành nghề kinh doanh chính: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vĩnh Hoàn 4 hiện nay chưa đầu tư xây dựng và chưa đi vào hoạt động.

CÔNG TY TNHH MTV VĨNH HOÀN COLLAGEN

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011, và được điều chỉnh lần gần nhất ngày 02 tháng 03 năm 2018 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp;

- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2019 là 100.000.000.000 VNĐ trong đó Vĩnh Hoàn góp 100.000.000.000 VNĐ, tương đương 100%;
- Ngành nghề kinh doanh chính: chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen thủy phân.

CÔNG TY TNHH MTV THANH BÌNH ĐỒNG THÁP

Được Vĩnh Hoàn mua lại vào đầu năm 2017.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 1402054046 ngày 11 tháng 11 năm 2016, và được điều chỉnh lần gần nhất ngày 25 tháng 01 năm 2019 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp;

- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2019 là 233.143.345.033 VNĐ, Vĩnh Hoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Ngành nghề kinh doanh chính: nuôi trồng, chế biến, bảo quản, mua bán thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

CÔNG TY TNHH MTV THỰC PHẨM VĨNH PHƯỚC

Được Vĩnh Hoàn thành lập vào tháng 09/2018.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 1402103399 ngày 04 tháng 09 năm 2019, và được điều chỉnh lần gần nhất ngày 16 tháng 07 năm 2019 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp;
- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2019 là 400.000.000.000 VNĐ, Vĩnh Hoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Ngành nghề kinh doanh chính: nuôi trồng, chế biến, bảo quản, mua bán thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIỐNG CÁ TRA VĨNH HOÀN

Được Vĩnh Hoàn thành lập vào tháng 01/2019.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 1602091937 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2019, và được điều chỉnh lần gần nhất ngày 31 tháng 07 năm 2019 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;
- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2019 là 50.000.000.000 VNĐ, Vĩnh Hoàn nắm giữ 96% vốn điều lệ.
- Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất giống thủy sản nội địa.

3.6 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

- Vĩnh Hoàn được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Giám Đốc gồm Tổng Giám đốc, các Giám đốc khối chức năng (khối Kinh doanh và tiếp thị, khối Tài chính, khối Sản xuất, khối Chất lượng, khối Phát triển bền vững) và Giám đốc các công ty con.

- Báo cáo trực tiếp cho các Giám đốc phụ trách các khối chức năng là các Trưởng phòng. Các phòng được tổ chức theo chức năng hoạt động từ khâu nguyên liệu, sản xuất đến kinh doanh.

- Các công ty con có các Giám đốc phụ trách về kết quả sản xuất kinh doanh của chính công ty con đó, báo cáo trực tiếp cho Tổng giám đốc.

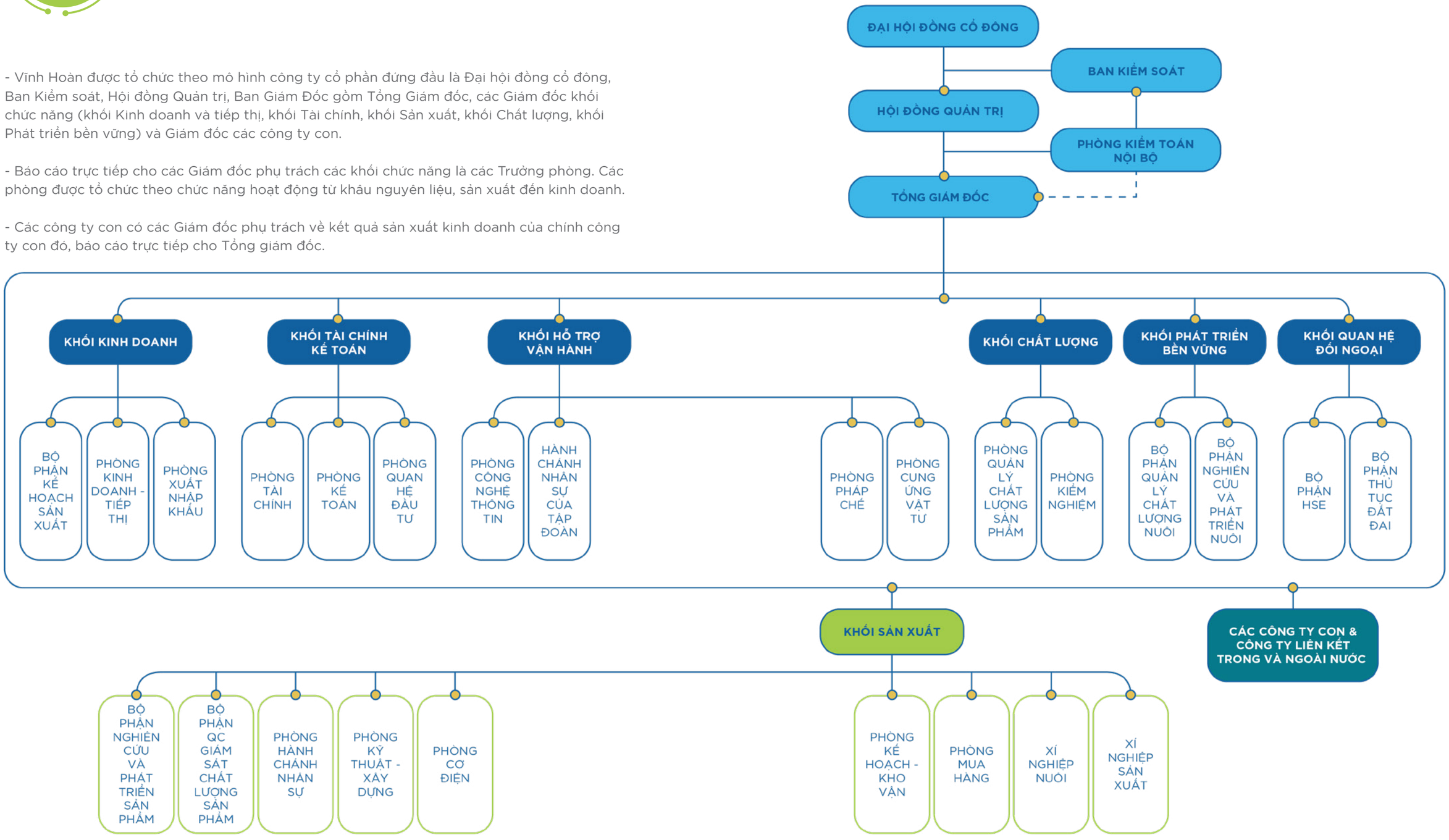

3.7 GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017-2021

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã tiến hành bầu cử và phê chuẩn Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2021 như sau:

-Bà Trương Thị Lệ Khanh – Chủ tịch HĐQT
-Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm – Thành viên HĐQT
-Bà Trương Tuyết Hoa – Thành viên HĐQT
-Bà Nguyễn Thị Kim Đào – Thành viên HĐQT
-Ông Võ Phú Đức – Thành viên HĐQT

Thay đổi về nhân sự HĐQT trong năm 2019: Không có

THÔNG TIN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÀ TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

CHỦ TỊCH HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VHC
(TẠI NGÀY 31/12/2019): 43,16%

Năm sinh: **1961**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế**

Bà đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của Vĩnh Hoàn từ năm 2007.

Năm 1997, bà là người sáng lập và dẫn dắt Vĩnh Hoàn phát triển từ một cơ sở chế biến nhỏ trở thành một công ty nuôi và chế biến cá tra lớn nhất thế giới hiện nay.

Bà được biết đến như một doanh nhân dẫn đầu ngành cá tra Việt Nam, tiên phong trong các bước phát triển bền vững của ngành.

Hiện bà đảm nhiệm vai trò Chủ tịch HĐQT, tập trung vào các hoạt động hoạch định chiến lược và hoàn thiện hệ thống quản trị công ty.

Bà Trương Thị Lệ Khanh đã được trao tặng nhiều giải thưởng cao quý và uy tín, gồm:

2019

- Tốp 50 người phụ nữ có ảnh hưởng nhất Việt Nam 2019 (Forbes Việt Nam)
- Giải Sao vàng Doanh nhân Đất việt Lần II (Doanh nhân Đất Việt)

2018

- Doanh nhân vì cộng đồng Đồng bằng sông Cửu Long
- Doanh nhân tiêu biểu Đồng bằng sông Cửu Long năm 2018 (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam)
- Tốp 50 người phụ nữ có ảnh hưởng nhất Việt Nam 2018 (Forbes Việt Nam)

2017

- Huân chương lao động hạng nhì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2011 -2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ tổ quốc (Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam)
- Tốp 50 người phụ nữ có ảnh hưởng nhất Việt Nam 2017 (Forbes Việt Nam)
- Được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban Cá nước ngọt của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)

2016

- Tốp 20 người phụ nữ có ảnh hưởng nhất Việt Nam (Forbes Việt Nam)

2015

- Tốp 50 Nhà Lãnh Đạo xuất sắc nhất với các thành tích kinh doanh nổi bật và khả năng lãnh đạo xuất sắc (Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư)

2014

- Nữ Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu 2013 - Cúp Bông hồng Vàng (Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam)
- Tốp 50 Nhà Lãnh Đạo xuất sắc nhất với các thành tích kinh doanh nổi bật và khả năng lãnh đạo xuất sắc (Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư)

2013

- Nữ Doanh nhân trí thức thành đạt Sài Gòn năm 2013 (Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam)
- Tốp 10 nữ doanh nhân thành đạt nhất Việt Nam (Forbes Việt Nam)

2011

- Huân chương lao động hạng 3 đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2005 - 2009, góp phần vào sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ tổ quốc (Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam)

BÀ NGUYỄN NGÔ VI TÂM

THÀNH VIÊN HĐQT

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU VHC
(TẠI NGÀY 31/12/2019): 0,12%

Năm sinh: **1979**

Chuyên môn: **Cử nhân Luật, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh**

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: **17 năm**

Bà đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Vĩnh Hoàn từ năm 2007

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm gia nhập Vĩnh Hoàn ở vị trí nhân viên kinh doanh vào năm 2003. Bà được bổ nhiệm là Trưởng phòng Kinh doanh vào năm 2006 và Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh vào năm 2008. Chức danh này được đổi thành Giám đốc Kinh doanh và Tiếp thị vào năm 2014. Ngày 23/05/2016, bà Nguyễn Ngô Vi Tâm được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc Công ty và giữ chức vụ này cho đến hiện tại.

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm đã lãnh đạo đội ngũ kinh doanh và tiếp thị trong hơn 10 năm, đưa doanh số xuất khẩu của Công ty tăng lên hơn 5 lần trong thời gian đó. Trong quá trình phát triển nâng cao quy mô và năng lực sản xuất của Vĩnh Hoàn, bà giữ vai trò quan trọng trong việc mở rộng thị trường và quảng bá thương hiệu nhằm đảm bảo sự phát triển tương ứng của doanh số bán hàng.

Bà Tâm còn phụ trách các công việc liên quan đến vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ, hoạt động quan hệ nhà đầu tư, đồng thời tư vấn cho HĐQT các chiến lược phát triển dài hạn và giữ vai trò chủ chốt trong quá trình tổ chức thực hiện các chiến lược đề ra.

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm đã được trao tặng nhiều giải thưởng cao quý và uy tín, gồm:

2018
• Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018 (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2017
• Huân chương lao động hạng ba (Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam)

2016
• Tốp 40 lãnh đạo trong ngành thủy sản thế giới dưới 40 tuổi (Intrafish)

2012
• Bằng khen về việc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2012 (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2011
• Bằng khen cho thành tích xuất sắc đóng góp vào phát triển Chủ nghĩa xã hội (Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam)

2007
• Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nuôi trồng và kinh doanh thủy hải sản (Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÀ TRƯƠNG TUYẾT HOA

THÀNH VIÊN HĐQT

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU VHC
(TẠI NGÀY 31/12/2019) 0,003%

Năm sinh: **1976**

Chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh**

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: **23 năm**

Bà đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Vĩnh Hoàn từ năm 2015.

Bà Trương Tuyết Hoa là một trong những nhân viên gia nhập Vĩnh Hoàn sớm nhất khi Công ty vừa thành lập. Bà vừa là nhân sự bán hàng chủ chốt đầu tiên vừa dẫn dắt đội ngũ bán hàng ngày càng phát triển trong suốt lịch sử hoạt động của Công ty.

Bà Trương Tuyết Hoa bắt đầu đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kinh doanh vào năm 2009 trước khi được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Kinh doanh vào năm 2017. Bà đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập và thực hiện các kế hoạch kinh doanh để triển khai thành công các chiến lược phát triển bán hàng của Công ty, đồng thời quản lý hiệu quả các hoạt động xuất khẩu và dịch vụ sau bán hàng.

Bà đã nhận được các bằng khen sau:

2018
• Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018 (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2017
• Bằng khen về thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2012
• Bằng khen về việc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2012 (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2007
• Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nuôi trồng và kinh doanh thủy hải sản (Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÀ NGUYỄN THỊ KIM ĐÀO

THÀNH VIÊN HĐQT

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU VHC
(TẠI NGÀY 31/12/2019): 0,09%

Năm sinh: **1979**

Chuyên môn: **: Cử nhân Kế toán Kiểm toán**

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: **17 năm**

Bà đảm nhiệm chức vụ thành vụ thành viên HĐQT từ năm 2016

Bà Nguyễn Thị Kim Đào đã đảm nhiệm vị trí kế toán trưởng của Vĩnh Hoàn trong 10 năm trước khi trở thành Giám đốc Tài chính vào năm 2014.

Bà thực hiện việc quản lý các quy trình kế toán và tài chính nhằm đảm bảo tính tuân thủ, chính xác và trung thực, đồng thời tối ưu hóa hiệu quả sử dụng đồng vốn cho Vĩnh Hoàn và các công ty con.

Bà cũng giữ vai trò chủ chốt trong quá trình tham gia vào vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ ngay từ những ngày đầu. Ngoài ra, bà còn tư vấn cho HĐQT nhiều chiến lược quan trọng về tài chính và chính sách quản lý vốn, chi phí cho Công ty.

Bà đã nhận được các bằng khen sau:

2018

• Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018 (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2014

• Bằng khen về thành tích trong công tác đóng góp vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc (Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam)

2012

• Bằng khen về việc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2012 (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2007

• Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nuôi trồng và kinh doanh thủy hải sản (Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ÔNG VÕ PHÚ ĐỨC

THÀNH VIÊN HĐQT

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU VHC
(TẠI NGÀY 31/12/2019): 1,50%

Năm sinh: **1976**

Chuyên môn: **Kỹ sư Xây dựng**

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: **17 năm**

Ông đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT từ năm 2012

Ông Võ Phú Đức bắt đầu làm việc tại Vĩnh Hoàn vào năm 2003, liên tục phụ trách các dự án phát triển về năng lực sản xuất của Công ty từ chế biến fillet, đến mở rộng sang sản xuất thức ăn, gạo và collagen, gelatin.

Giai đoạn 2007 đến 2013, ông giữ chức vụ Giám đốc Công ty thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 với các thành tích đáng kể về tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận đóng góp phần không nhỏ vào sự phát triển của tập đoàn. Sau khi Vĩnh Hoàn bán lại 70% sở hữu của Vĩnh Hoàn 1 cho Pilmico Foods, năm 2013, ông Võ Phú Đức được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Collagen, đưa nhà máy vào hoạt động đúng tiến độ, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm và xuất sắc hoàn thành các mục tiêu tài chính, đóng góp vào doanh thu và lợi nhuận của toàn Công ty.

Với chuyên môn và kinh nghiệm của mình, ông tư vấn một cách tích cực cho Ban Giám đốc và HĐQT Công ty trong các chiến lược về phát triển và cải tiến công nghệ.

Ông đã nhận được các bằng khen sau:

2019

• Doanh nhân tiêu biểu Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2019 (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI trao tặng)

• Giải thưởng Sao đỏ 2019: Doanh nhân trẻ tiêu biểu Việt Nam 2019 (Trung ương Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Trung ương Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam, CLB Doanh nhân Sao đỏ)

2018

• Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018 (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2014

• Bằng khen cho thành tích trong công tác đóng góp vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc (Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam)

3.8 GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC

Cơ cấu Ban Giám đốc gồm Tổng Giám đốc phụ trách điều hành chung và các Giám đốc phụ trách các bộ phận và công ty thành viên.

Thay đổi về nhân sự Ban Giám Đốc trong năm 2019: Không có

- TỔNG GIÁM ĐỐC
- GIÁM ĐỐC KINH DOANH
- GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
- GIÁM ĐỐC SẢN XUẤT
- GIÁM ĐỐC CHẤT LƯỢNG
- GIÁM ĐỐC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC
- GIÁM ĐỐC CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

THÔNG TIN THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

BÀ NGUYỄN NGÔ VI TÂM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Xem thông tin tại mục Giới thiệu Hội đồng quản trị

BÀ TRƯƠNG TUYẾT HOA

GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Xem thông tin tại mục Giới thiệu Hội đồng quản trị

BÀ NGUYỄN THỊ KIM ĐÀO

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Xem thông tin tại mục Giới thiệu Hội đồng quản trị

ÔNG VÕ PHÚ ĐỨC

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV VĨNH HOÀN COLLAGEN

Xem thông tin tại mục Giới thiệu Hội đồng quản trị

BÀ HỒ THANH HUỆ

GIÁM ĐỐC SẢN XUẤT

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VHC
(TẠI NGÀY 31/12/2019): 0,043%

Năm sinh: **1982**

Chuyên môn: **Kỹ sư Môi trường**

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: **16 năm**

Bà Hồ Thanh Huệ gia nhập Vĩnh Hoàn với vai trò nhân viên Phòng quản lý chất lượng, sau đó từng bước được bổ nhiệm ở các vị trí quản lý sản xuất bao gồm Phó phòng vào năm 2006 và Phó Giám đốc xí nghiệp vào năm 2007. Giai đoạn 2007-2009 bà là Trợ lý Giám đốc Sản xuất trước khi trở thành Giám đốc Sản xuất Công ty vào năm 2014.

Bà phụ trách điều hành tất cả mọi hoạt động sản xuất của Công ty bao gồm các dự án xây dựng, sửa chữa nhà xưởng, lập kế hoạch, mua nguyên vật liệu và tổ chức hoạt động hàng ngày của các xưởng chế biến cá. Bà giữ vai trò quan trọng trong quá trình thực hiện chiến lược mở rộng gia tăng năng lực sản xuất của toàn Công ty trong những năm qua, đáp ứng được nhu cầu bán hàng và thỏa mãn các yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm, đồng thời ngày càng cải thiện hiệu quả sản xuất.

Trong năm 2018, bà Huệ đã đại diện Vĩnh Hoàn làm chủ nhiệm đề tài "Nghiên cứu công nghệ giết cá nhân đạo đảm bảo an sinh vật nuôi, chất lượng fillet" của Dự án "Phát triển sản phẩm fillet cá tra chất lượng cao" thuộc Đề án Sản phẩm quốc gia cá da trơn do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn triển khai.

Bà đã nhận được một số các giải thưởng và bằng khen như sau:

2018

• Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018 (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2014

• Bằng khen về việc hoàn thành xuất sắc trong công tác năm 2014 (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2012

• Bằng khen về việc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2012 (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

BÀ LÊ THỊ DIỆU THI

GIÁM ĐỐC CHẤT LƯỢNG

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VHC
(TẠI NGÀY 31/12/2019): 0,010%

Năm sinh: **1975**

Chuyên môn: **Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm, Cử nhân Quản trị Kinh doanh**

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: **20 năm**

Bà Lê Thị Diệu Thi gia nhập Vĩnh Hoàn từ năm 2000 với vai trò nhân viên Quản lý Chất lượng. Sau đó, từng bước được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý về Quản lý Chất lượng của Công ty. bao gồm: Thư ký ISO vào năm 2003; Đội trưởng HACCP/kiêm Thư ký ISO vào năm 2004; Phó phòng Quản lý Chất lượng vào năm 2006;Trưởng phòng Quản lý Chất lượng vào năm 2008 và Giám đốc Chất lượng vào ngày 25/12/2017. Trong giai đoạn 2008 – 2017, bà phụ trách chung toàn bộ Hệ thống Quản lý Chất lượng và đội ngũ Quản lý Chất lượng của Công ty. Tổ chức đào tạo huấn luyện nhận thức và kiến thức liên quan đến chất lượng cho tất cả cán bộ, công nhân sản xuất và tổ chức, sắp xếp theo dõi và duy trì hệ thống Quản lý Chất lượng có hiệu quả. Nhờ đó, Công ty liên tục đạt kết quả cao trong các đợt kiểm tra và đánh giá của khách hàng, các bên thứ ba và các cơ quan thẩm quyền, giúp tạo dựng niềm tin và nâng cao uy tín cho Công ty.

Bên cạnh đó, bà luôn chú trọng công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý chất lượng theo hướng chuyên nghiệp, năng động, nhiệt tình và sáng tạo trong sản xuất thông qua việc tổ chức thường xuyên các hoạt động tập huấn, phổ biến kiến thức, thi tay nghề. Từ đó đảm bảo khả năng cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, giúp gia tăng khả năng cạnh tranh của Công ty so với các công ty cùng ngành. Với sự nhạy bén và nỗ lực trong công việc, bà đã được trao tặng nhiều giải thưởng và bằng khen từ bên ngoài như sau:

2017

• Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty CP Vĩnh Hoàn nhân kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2012

• Bằng khen về việc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2012 (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

2007

• Bằng khen về việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2007 (Bộ trưởng Bộ Thủy sản)

2006

• Giấy khen Giải nhất cuộc thi 60 năm ngày thành lập ngành thương mại Việt Nam (Giám đốc Sở Thương mại và Du lịch tỉnh Đồng Tháp)

• Giấy khen đã xây dựng và đưa vào vận hành tốt hệ thống Quản lý tích hợp các tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001; BRC & IFS (Giám đốc Công ty TNHH Vĩnh Hoàn)

BÀ ĐẶNG THỊ THƯƠNG

GIÁM ĐỐC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VHC
(TẠI NGÀY 31/12/2019): 0,008%

Năm sinh: **1987**

Chuyên môn: **Thạc sĩ Sinh học**

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: **10 năm**

Bà Đặng Thị Thương bắt đầu làm việc tại Vĩnh Hoàn năm 2010, phụ trách các hoạt động chứng nhận cho vùng nuôi, trước khi được bổ nhiệm làm Giám Đốc Nuôi Trồng Thủy Sản vào năm 2014 (thay đổi tên chức danh thành Giám đốc Phát triển bền vững vào ngày 01/01/2017).

Bà đã lãnh đạo đội ngũ thực hiện thành công các chương trình chứng nhận nuôi trồng thủy sản quốc tế điển hình là ASC và BAP cho Công ty, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển doanh thu và quảng bá thương hiệu Vĩnh Hoàn trong những năm qua. Với định vị là một Công ty hàng đầu về nuôi thủy sản bền vững trên toàn cầu, bà Đặng Thị Thương tiếp tục giu vai trò quan trọng trong chiến lược hướng đến 100% các vùng nuôi có chứng nhận vào năm 2020 cho cả Công ty và nhà cung cấp cho Công ty. Bà còn đại diện cho Công ty trong các dự án nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực nuôi thủy sản trong nước và quốc tế.

Bà đã nhận được bằng khen sau:

2017

• Bằng khen về thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty CP Vĩnh Hoàn nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

ÔNG HUỲNH ĐỨC TRUNG

GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VHC
(TẠI NGÀY 31/12/2019): 0,016%

Năm sinh: **1963**

Chuyên môn: **Kỹ sư Chế biến Công nghệ Thực phẩm**

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: **20 năm**

Ông Huỳnh Đức Trung là một trong những nhân viên gia nhập Vĩnh Hoàn sớm nhất vào những năm đầu mới thành lập. Ông giữ vai trò chủ chốt trong quá trình xây dựng và quản lý sản xuất cho những nhà máy đầu tiên của Công ty.

Ông giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất và nuôi thủy sản trong 13 năm trước khi được bổ nhiệm vào công việc mới là Giám đốc Dự án (thay đổi tên chức danh thành Giám đốc Thường trực vào ngày 01/01/2017), phụ trách các hồ sơ đất đai phục vụ cho các dự án mới, lập và quản lý các quy trình và hoạt động liên quan đến môi trường, công đoàn, an ninh, an toàn nhà xưởng và an toàn lao động trong Công ty.

Ông đã nhận được một số bằng khen và giải thưởng như sau:

2016

• Huân chương lao động hạng ba (Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam)

2012

• Bằng khen về việc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2012 (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2011

• Bằng khen cho thành tích trong công tác đóng góp vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam)

2007

• Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển Nông nghiệp & phát triển nông thôn (Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÀ PHAN THỊ BÍCH LIÊN

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV THANH BÌNH ĐỒNG THÁP

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VHC
(TẠI NGÀY 31/12/2019): 0,008%

Năm sinh: **1976**

Chuyên môn: **Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh**

Thời gian làm việc tại Vĩnh Hoàn: **20 năm**

Bà Liên gia nhập Vĩnh Hoàn ở vị trí nhân viên Quản lý Chất lượng vào tháng 04/2000. Với thành tích nổi bật trong công tác, bà lần lượt được bổ nhiệm vào các chức vụ quản lý tại các phòng ban khác nhau tại Vĩnh Hoàn: Trưởng phòng Quản lý Chất lượng, Quản đốc Xưởng cấp đông, Giám đốc Xí nghiệp Chế biến thủy sản số 1, và Giám đốc sản xuất vào năm 2007.

Sau đó, bà tiếp tục đảm nhiệm vị trí Giám đốc Xưởng cấp đông của Xí nghiệp Chế biến thủy sản số 3, và đến tháng 6 năm 2016 bà chuyển sang phụ trách vị trí Trưởng phòng Mua hàng. Đầu năm 2017, khi Vĩnh Hoàn mua lại Công ty CP Thủy sản Thanh Bình Đồng Tháp, bà được Hội đồng quản trị tin tưởng giao phó nhiệm vụ Phó Giám đốc Công ty, và tiếp theo là Giám đốc công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp vào ngày 25/12/2017. Bà Liên đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng năng suất và hiệu quả hoạt động tại các bộ phận sản xuất mà bà đã quản lý, góp phần to lớn vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất chung của Công ty.

Bà đã nhận được các bằng khen sau:

2017

• Bằng khen về thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty CP Vĩnh Hoàn nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2012

• Bằng khen về việc hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc năm 2012 (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2007

• Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nuôi trồng và kinh doanh thủy hải sản (Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÀ LÊ THỊ SÁU

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV THỰC PHẨM VĨNH PHƯỚC

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VHC
(TẠI NGÀY 31/12/2019): 0,015%

Năm sinh: **1966**

Chuyên môn: **Kỹ sư Hóa thực phẩm, Cử nhân Kinh tế**

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: **20 năm**

Bà đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV Thực phẩm Vĩnh Phước từ đầu Quý 4/2018.

Bà Sáu có nhiều năm kinh nghiệm quản lý sản xuất tại Vĩnh Hoàn và các công ty con. Cuối Quý 4/2018, bà được HĐQT tin tưởng bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Công ty TNHH MTV Thực phẩm Vĩnh Phước mới thành lập, đảm nhiệm việc hoạch định chiến lược và quản lý các hoạt động đầu tư, sản xuất, góp phần đưa Công ty vào hoạt động ổn định.

Bà đã nhận được các bằng khen sau:

2017

• Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty CP Vĩnh Hoàn nhân kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty (Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

2011

• Bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2011 (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

2007

• Bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nuôi trồng và kinh doanh thủy hải sản (Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

2005

• Bằng khen đã có thành tích xuất sắc được báo cáo điển hình trong đại hội thi đua yêu nước tỉnh Đồng Tháp lần III năm 2001-2005 (Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp)

3.9 GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã tiến hành bầu cử và phê chuẩn Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2021 như sau:

- Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân – Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Nguyễn Quang Vinh – Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Thái Ly – Thành viên Ban Kiểm soát (Từ nhiệm từ ngày 26 tháng 04 năm 2019)
- Bà Phan Thị Kim Hòa – Thành viên Ban Kiểm soát (Được bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 04 năm 2019)

BÀ NGUYỄN THỊ CẨM VÂN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VHC
(TẠI NGÀY 31/12/2019): 0,00%

Năm sinh: **1986**

Trình độ chuyên môn:**Cử nhân Kinh tế, Chứng chỉ CFA**

Bà Vân hiện là Giám đốc Đầu tư tại Tập đoàn phát triển bất động sản Refico.

Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn tài chính và kiểm toán tại Công ty TNHH KPMG và kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài chính và đầu tư tại Tập đoàn phát triển bất động sản Refico, bà Vân đóng vai trò quan trọng trong việc hoạch định các chiến lược và kế hoạch hành động cho Ban Kiểm soát trong năm 2019.

ÔNG NGUYỄN QUANG VINH

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VHC
(TẠI NGÀY 31/12/2019): 0,00%

Năm sinh: **1979**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế**

Ông Vinh hiện là Giám đốc Xí nghiệp Nuôi tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn

Ông Vinh có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực lập kế hoạch sản xuất tại nhiều đơn vị thành viên của Vĩnh Hoàn và hơn 3 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nuôi tại Công ty. Với kiến thức sâu rộng về sản xuất và nuôi trồng, ông góp phần quan trọng trong việc đóng góp các ý kiến chuyên môn để các kế hoạch kiểm soát mang tính sâu sát, gần với thực tiễn của Công ty.

BÀ PHAN THỊ KIM HÒA

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VHC
(TẠI NGÀY 31/12/2019): 0,008%

Năm sinh: **1988**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Quản trị kinh doanh**

Bà Hòa hiện là Quản lý phòng Kinh doanh tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn

Bà Hòa có hơn 9 năm kinh nghiệm làm việc tại Phòng kinh doanh của Vĩnh Hoàn. Bà đóng một vai trò quan trọng trong Phòng kinh doanh. Với kỹ năng và kiến thức của mình, bà chịu trách nhiệm quản lý khách hàng quốc tế và nội địa, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của đội ngũ bán hàng.

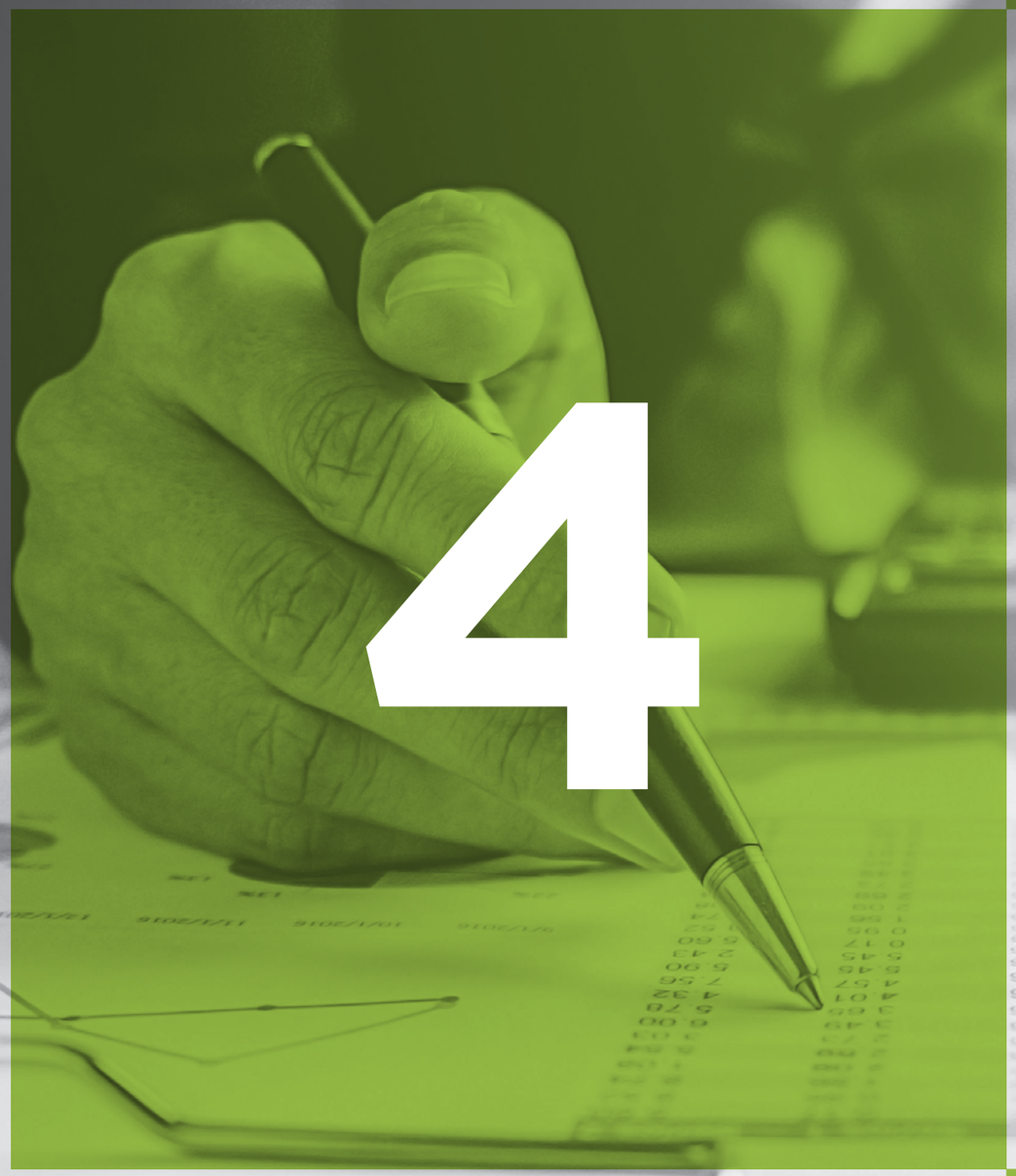

4

BÁO CÁO

4.1 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4.2 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

4.3 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

4.4 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

4.5 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

4.1 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM TRONG NĂM 2019

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH TIÊU THỤ CÁC TRA TRONG NĂM 2019

Năm 2019, xuất khẩu thủy sản Việt Nam đạt gần 8,6 tỷ USD, giảm 2,5% so với năm 2018. Riêng xuất khẩu cá tra của Việt Nam đạt gần 2 tỷ USD, giảm 11,4% so với cùng kỳ

Thị trường xuất khẩu cá tra ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường Trung Quốc, tăng khoảng 25% so với năm 2018. Trong khi đó, thị trường Mỹ lại ghi nhận sự sụt giảm khá lớn khoảng 47,6%. Thị trường EU nhìn chung sụt giảm nhẹ khoảng 3,5%, trong đó cá biệt có sự tăng trưởng tại các thị trường Đức, Anh và Bỉ lần lượt là 9,2%, 3,5% và 1,8%.

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Vĩnh Hoàn tiếp tục là đơn vị dẫn dầu trong việc xuất khẩu cá tra trên toàn cầu năm 2019. Thương hiệu Vĩnh Hoàn được xây dựng dựa trên chất lượng và dịch vụ với những lợi thế vượt trội, hệ thống sản xuất và nuôi trồng tích hợp. Thêm vào đó, Vĩnh Hoàn có một đội ngũ điều hành dày dạn kinh nghiệm, tận tâm trong công việc và có trách nhiệm cao. Công ty tiếp tục duy trì và phát huy những giá trị này trước những thách thức của thị trường, cùng như những rào cản thương mại kỹ thuật.

CÁC THỊ TRƯỜNG CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ XU HƯỚNG

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CÁ TRA CỦA CÔNG TY NĂM 2019

- Mỹ: 54%
- Trung Quốc: 20%
- Anh: 5%
- Canada: 3%
- Bỉ: 3%
- Úc: 2%
- Hà Lan: 2%
- Hồng Kông: 1%
- Thụy Sĩ: 1%
- Mexico: 1%
- TBN: 1%
- Nhật: 1%
- Đức: 1%
- Khác: 4%

THỊ TRƯỜNG MỸ

Mặc dù xuất khẩu cá tra sang Mỹ giảm trong năm 2019 nhưng thị trường Mỹ vẫn luôn là một trong những thị trường xuất khẩu chính của Vĩnh Hoàn. Cá rô phi là sản phẩm cạnh tranh lớn nhất đối với sản phẩm cá tra tại thị trường Mỹ. Kể từ ngày 10 tháng 05 năm 2019, khi thị trường Mỹ chính thức tăng thuế nhập khẩu lên các sản phẩm thủy sản đến từ Trung Quốc từ 10% lên 25%, cú sốc trong xuất khẩu cá rô phi đã làm tốc độ xuất khẩu loài cá này từ Trung Quốc chậm lại, điều này mang lại cơ hội lớn cho cá tra.

Năm 2019 là năm Công ty điều chỉnh giá bán cho khách hàng phù hợp với chi phí nguyên liệu giảm so với năm 2018, đồng thời nhà nhập khẩu cũng điều chỉnh mức tồn kho giảm sau giai đoạn thiếu hụt và tích trữ. Sau đợt điều chỉnh này và với nhu cầu đã tăng mạnh trở lại vào những tháng cuối năm 2019, dự báo trong năm 2020, xuất khẩu cá tra vào thị trường Mỹ sẽ tăng trưởng tốt.

Đạo luật Nông nghiệp (Farm Bill 2014) được cụ thể hóa bằng Chương trình Thanh tra cá da trơn ban hành bởi Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ ("USDA"). Sau hơn ba (03) năm nỗ lực đàm phán, hoàn thiện hệ thống hồ sơ pháp lý và với kết quả đạt trong kỳ thanh tra thực địa, vào ngày 31 tháng 10 năm 2019, USDA đã chính thức công bố quyết định công nhận hệ thống quy phạm pháp luật về quản lý cá da trơn tại Việt Nam là tương đương với Mỹ.

Vĩnh Hoàn đã có lợi thế sớm hơn trên thị trường Mỹ, cùng với uy tín thương hiệu và lòng trung thành của khách hàng. Công ty sẽ tiếp tục thúc đẩy thương mại tự do, biến các rào cản thương mại kỹ thuật thành cơ hội cho sự khác biệt hóa và phát triển thương hiệu, góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU

Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và EU (EVFTA) được ký vào ngày 30 tháng 06 năm 2019. Đây là một sự kiện quan trọng và có ý nghĩa không chỉ đảm bảo lợi ích giữa hai bên, mà còn tạo ra những lợi ích mới góp phần nâng cao lợi thế cạnh tranh của Việt Nam, giúp Việt Nam tiến sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, tăng cường hội nhập nền kinh tế thế giới. Đây sẽ là cơ hội gia tăng khả năng cạnh tranh của ngành cá tra trong thị trường quan trọng này.

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

Thị trường Trung Quốc trong những năm gần đây đã phát triển nhanh chóng, trở thành thị trường xuất khẩu hàng đầu của cá tra Việt Nam. Đối với Vĩnh Hoàn, đây cũng là một thị trường quan trọng, tăng trưởng nhanh, tuy nhiên phải dựa trên chiến lược lựa chọn chất lượng, phân khúc khách hàng và giá bán phù hợp với thế mạnh của Công ty.

Vĩnh Hoàn tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng tại thị trường lớn này bằng cách mở rộng kênh cung cấp cho các siêu thị lớn, kênh giao hàng trực tuyến và các chuỗi nhà hàng uy tín.

CHUỖI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TẠI VĨNH HOÀN

Chuỗi hoạt động sản xuất tại Vĩnh Hoàn là một chuỗi tích hợp, áp dụng các công nghệ kỹ thuật cao trong các giai đoạn từ con giống đến quá trình sản xuất chính, mang đến những sản phẩm chất lượng đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng.

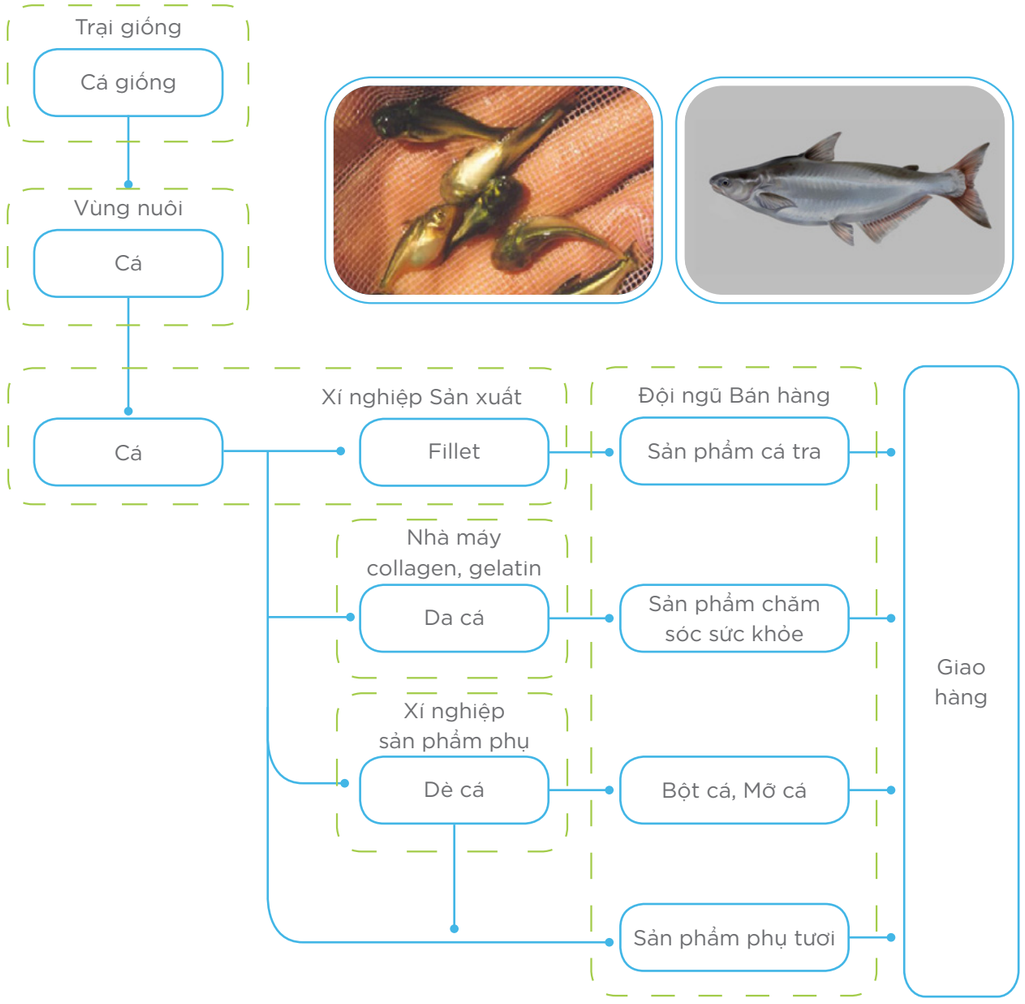

Về vùng nuôi:

Vĩnh Hoàn đang xây dựng một trung tâm nghiên cứu và phát triển nguồn con giống và quy trình nhân giống hoàn chỉnh giúp đảm bảo nguồn cá tra chất lượng cao và ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao hiệu quả và chất lượng con giống. Với dự án cá giống công nghệ cao này, Vĩnh Hoàn có cơ hội để cải thiện hiệu suất vùng nuôi và đi đầu trong công nghệ nuôi cá tra.

Về nhà máy:

Các nhà máy của Vĩnh Hoàn luôn được bảo trì và sửa chữa thường xuyên để đảm bảo sự hoạt động liên tục và tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty còn tập trung đầu tư để cải thiện năng suất, an toàn lao động, hiệu quả sử dụng bằng cách áp dụng thiết bị cấp đông hiện đại, cải tạo trần, thiết bị chiếu sáng và hệ thống điện nước. Chúng tôi hiện đã mở rộng thêm một dây chuyền sản xuất phụ phẩm và một hệ thống kho lạnh mới, và bắt đầu hoạt động từ đầu năm 2020.

Về sản phẩm:

• Sản phẩm cá tra fillet đông lạnh:

Đây là sản phẩm chính và sản phẩm truyền thống của Vĩnh Hoàn, chiếm khoảng 69% doanh thu hợp nhất của toàn Công ty. Cùng với các kênh phân phối truyền thống thông qua các nhà xuất khẩu và các nhà phân phối, Vĩnh hoàn tiếp tục phát triển các kênh phân phối trực tiếp đến các chuỗi nhà hàng và các siêu thị. Sản phẩm của Vĩnh Hoàn đã được bán đến hơn 30 quốc gia. Các chuỗi siêu thị lớn mà hiện tại Vĩnh Hoàn đang cung cấp có thể kể đến gồm có Walmart, Casino, COOP, Aldi và Woolworths. Vào tháng 01 năm 2019, Vĩnh Hoàn nhận được giải thưởng "Sáng tạo của năm" từ Woolworths cho sản phẩm Fish Bites. Bênh cạnh chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm, Vĩnh Hoàn còn nổi tiếng với khả năng cung cấp nguồn cá tra mang tính bền vững với các chứng nhận quốc tế như Aquaculture Stewardship Council ("ASC") và Best Aquaculture Practices 4 sao ("BAP 4-star").

• Sản phẩm giá trị gia tăng:

Sản phẩm giá trị gia tăng là dòng sản phẩm mang tính chiến lược của Vĩnh Hoàn. Vĩnh Hoàn mang đến cho người tiêu dùng đa dạng sự lựa chọn các sản phẩm cao cấp. Chúng tôi mang đến sự tiện lợi, ngon miệng và giàu dinh dưỡng để đáp ứng nhu cầu ngày nay của người tiêu dùng, các sản phẩm phổ biến là cá tẩm bột và cá tẩm gia vị.

• Sản phẩm phụ:

Quá trình chế biến từ cá tra nguyên liệu tươi sống thành sản phẩm xuất khẩu, ngoài thành phẩm thu được còn có một lượng lớn phụ phẩm. Các phụ phẩm từ cá tra là những mặt hàng có giá trị kinh tế và giá trị gia tăng cao.
- Dầu cá:
Được chế biến từ các phụ phẩm cá tra còn lại sau khi fillet, hoàn toàn phù hợp cho các công đoạn tinh luyện trở thành sản phẩm cao cấp theo dự án mà Công ty đã thực hiện và sẽ đi vào vận hành trong năm 2020.

- Bột cá:
Bột cá tra cung cấp dinh dưỡng cho động vật như nguồn đạm tối ưu. Đặc biệt chất đạm trong cá tươi dễ tiêu hóa, dễ hấp thu hơn so với thịt, năng lượng, chất khoáng, vitamin. Bột cá tra hiện đang dùng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm.

Ngoài ra, Công ty còn sản xuất và bán các phụ phẩm khác, như vi cá, ức, thịt cá vụn, bong bóng và bao tử cá tra.

• Sản phẩm chăm sóc sức khỏe:

Sản phẩm chăm sóc sức khỏe mà cụ thể là dòng sản phẩm công nghệ cao Collagen và Gelatin đã tỏa sáng trong năm 2019 với tổng giá trị xuất khẩu đạt 22 triệu USD, tăng khoảng 95% so với năm 2018 với những nỗ lực không ngừng từ đội ngũ Vĩnh Hoàn. Bên cạnh đó, Vĩnh Hoàn còn tiếp tục tìm kiếm và phát triển thị trường thông qua việc tung ra sản phẩm mới Nano Collagen và Collagen Tripeptides. Vĩnh Wellness là thương hiệu của Vĩnh Hoàn đã được biết đến là nhà sản xuất collagen được chứng nhận ASC đầu tiên trên thế giới với sản phẩm có 100% tự nhiên, không chứa màu nhân tạo, không phụ gia và chất bảo quản, hướng tới sự bền vững thông qua việc các tác động đến quần thể cá hoang dã, môi trường nước và xã hội được giảm đáng kể và có thể đo lường được. Chúng tôi tự hào là đối tác của của một khách hàng tại Thụy Điển với sản phẩm collagen có chứng nhận ASC đầu tiêu này, NORDBO Kollagen.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019

Quản trị doanh nghiệp dựa trên nguyên tắc quản lý minh bạch và cởi mở đối với nhân viên và công chúng. Trong các nội dung sau đây, Vĩnh Hoàn sẽ cung cấp những thông tin chi tiết hơn về cấu trúc Công ty.

Vĩnh Hoàn cam kết minh bạch và cởi mở trong hoạt động quản lý, điều hành nhằm đảm bảo tốt lợi ích của các thành viên, của khách hàng và của các bên liên quan. Việc quản trị của chúng tôi đa phần đều tuân theo các hướng dẫn từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh có liên quan đến thông tin về quản trị doanh nghiệp.

Vĩnh Hoàn chịu trách nhiệm đưa ra các chỉ đạo chiến lược trong hoạt động của toàn Công ty, bao gồm Công ty mẹ và các công ty thành viên.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Hội đồng Quản trị bao gồm các thành viên sau:

HỌ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	LÀM VIỆC TỪ NĂM	NHIỆM KỲ ĐẾN NĂM
Trương Thị Lệ Khanh	1961	Chủ tịch HĐQT	1997	2021
Nguyễn Ngô Vi Tâm	1979	Thành viên HĐQT	2003	2021
Nguyễn Thị Kim Đào	1979	Thành viên HĐQT	2003	2021
Trương Tuyết Hoa	1976	Thành viên HĐQT	1997	2021
Võ Phú Đức	1976	Thành viên HĐQT	2003	2021

PHÂN BỔ NHIỆM VỤ TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông, từ đó chỉ định Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong số các thành viên Hội đồng Quản trị. Các thành viên chịu trách nhiệm như nhau trong việc thực hiện chức năng của Hội đồng Quản trị.

QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đưa ra các chỉ đạo chiến lược cho hoạt động của Vĩnh Hoàn. Các quy định đối với Hội đồng Quản trị giúp phân chia trách nhiệm giữa Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong các vấn đề có liên quan đến tài chính, chiến lược công ty, nhân sự và tổ chức.

NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị tiến hành họp thường xuyên theo yêu cầu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó họp ít nhất bốn (04) lần trong năm. Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã tiến hành bảy (07) cuộc họp. Theo quy định, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc sẽ tham gia vào các cuộc họp này, bên cạnh đó còn yêu cầu có sự tham gia của các thành viên thuộc Ban điều hành khi cần thiết. Một quyết định được coi là hợp lệ khi nhận đại đa số phiếu bầu. Trong trường hợp có cùng số phiếu bầu, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện đưa ra quyết định.
Các cuộc họp chính thức do Hội đồng Quản trị triệu tập trong năm 2019 như sau:

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LẦN THAM DỰ HỌP	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP
Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch HĐQT	07	100%
Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên HĐQT	07	100%
Nguyễn Thị Kim Đào	Thành viên HĐQT	07	100%
Trương Tuyết Hoa	Thành viên HĐQT	07	100%
Võ Phú Đức	Thành viên HĐQT	07	100%

Ngoài các cuộc họp hằng quý, Hội đồng Quản trị còn tổ chức các cuộc họp bổ sung, các cuộc họp qua điện thoại, và liên lạc qua thư điện tử khi cần thảo luận các vấn đề liên quan đến quản trị doanh nghiệp và các quyết định chiến lược, bao gồm:

- Kế hoạch kinh doanh hàng quý, hàng năm;
- Theo dõi và giám sát việc thực thi chiến lược của Ban Giám đốc;
- Xem xét báo cáo sản xuất, báo cáo bán hàng và báo cáo vùng nuôi;
- Tuyển dụng các quản lý cấp cao và bổ nhiệm các vị trí quản lý;
- Xem xét và phê duyệt các kế hoạch đầu tư, kế hoạch tăng vốn, mua bán các tài sản có giá trị lớn và kế hoạch mở rộng;
- Xem xét và giải quyết các vấn đề xuất phát từ báo cáo của Ban Kiểm soát.

Nghị quyết Hội đồng Quản trị trong năm 2019:

STT	NGÀY	NỘI DUNG
1	25/02/2019	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch giải thể Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2
2	23/04/2019	Nghị quyết về việc thay đổi người được ủy quyền công bố thông tin
3	06/05/2019	Nghị quyết về việc thanh toán cổ tức bằng tiền mặt (lần 2 năm 2018)
4	07/06/2019	Nghị quyết về việc chuyển nhượng cổ phần tại Octogone Holdings Pte Ltd. và Công ty TNHH Chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang
5	30/07/2019	Nghị quyết về việc góp vốn cho Công ty TNHH Sản xuất giống cá tra Vĩnh Hoàn
6	18/09/2019	Nghị quyết về việc mua cổ phiếu công ty thành cổ phiếu quỹ
7	29/11/2019	Nghị quyết về việc kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2019

CÔNG CỤ THÔNG TIN VÀ KIỂM SOÁT BAN ĐIỀU HÀNH

HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN

Hàng tháng, Ban điều hành báo cáo đến Hội đồng Quản trị những số liệu chính về tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và các thông tin quan trọng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thêm vào đó còn có những báo cáo đến Hội đồng Quản trị hàng quý và các vấn đề được đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị thường xuyên tham dự các cuộc họp này và đưa ra các chỉ thị cho các vấn đề quan trọng.

QUY TRÌNH LÊN KẾ HOẠCH VÀ THIẾT LẬP MỤC TIÊU

Vĩnh Hoàn có một quy trình lên kế hoạch và thiết lập mục tiêu toàn diện và liên tục, trong đó còn có những báo cáo thường xuyên đến Hội đồng Quản trị, bao gồm báo cáo thẻ điểm cân bằng vì Vĩnh Hoàn luôn muốn hướng tới việc kết nối giữa những nhân tố khác nhau vào kế hoạch chiến lược và công tác quản lý. Điều này có nghĩa là hình thành nên mối quan hệ hiện hữu giữa con người với các dự án, chương trình; trong đó, thành quả thực hiện đều được đo lường. Chính những điều này sẽ giúp hoàn thành được tầm nhìn, sứ mệnh cũng như những mục tiêu chiến lược của Vĩnh Hoàn.

QUẢN LÝ RỦI RO

Vĩnh Hoàn thực hiện công tác quản lý rủi ro nhằm ngăn chặn những rủi ro trọng yếu và tối thiểu hóa những thiệt hại từ những trường hợp phát sinh do các rủi ro đó gây nên. Chính vì thế, Vĩnh Hoàn vận hành một hệ thống quản lý rủi ro, trong đó, hàng năm, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Phòng Kiểm toán Nội bộ xác định và phân tích những rủi ro chính, xác định cách thức đo lường rủi ro và thực hiện các kịch bản phòng ngừa rủi ro thích hợp. Hơn thế nữa, những rủi ro trọng yếu một khi được xác định có khả năng gây tác động tiêu cực đến Công ty đều sẽ có những quy tắc tiêu chuẩn được thiết lập để loại bỏ chúng hoặc tối thiểu là làm giảm tác động của những rủi ro này.

KẾ HOẠCH NĂM 2020

CƠ HỘI GIA TĂNG LỢI NHUẬN

Chiến lược trong năm 2020 của Vĩnh Hoàn là tiếp tục đầu tư cho cơ hội gia tăng lợi nhuận thông qua chuỗi giá trị. Trong năm 2019, chúng tôi đã tiến hành đầu tư máy móc, trang thiết bị cho các cơ sở sản xuất, điều này ngay lập tức góp phần tăng trưởng doanh thu và tạo ra nhiều cơ hội để gia tăng thêm thu nhập. Với việc nhà máy bột cá và mỡ cá của Vĩnh Phước đã đi vào hoạt động đầu năm 2020, chúng tôi đã có thể tăng thêm năng lực sản xuất trong chuỗi giá trị. Theo đó, doanh số bán mỡ cá và bột cá được kỳ vọng sẽ tăng 20% so với năm trước.

Vĩnh Phước cũng bắt đầu vận hành hệ thống kho lạnh mới, trong đó bao gồm cả việc gia tăng việc kiểm soát chi phí kho lạnh và kiểm soát hàng tồn kho. Các sản phẩm chăm sóc sức khỏe sẽ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc gia tăng lợi nhuận.

Trong năm 2020, chúng tôi dự báo sẽ tăng trưởng khoảng 60% doanh số sản phẩm collagen và gelatin, đạt mức 35 triệu đô đến từ việc mở rộng dây chuyền sản xuất gelatin bắt đầu hoạt động từ tháng Bảy. Theo đó, lợi nhuận ròng của dòng sản phẩm chăm sóc sức khỏe sẽ tăng khoảng 50%.

Một chiến lược mang đến lợi nhuận ngay lập tức chính là cơ hội của chúng tôi trong việc mở rộng hình thức bán hàng trực tiếp cho các siêu thị và chuỗi nhà hàng trong năm 2020, điều này sẽ giúp cải thiện giá bán. Trong chuỗi giá trị, nhờ ổn định trong chi phí nuôi trồng và những vùng nuôi mới của chúng tôi đã được xây dựng và vận hành vào cuối năm ngoái, chúng tôi lên kế hoạch gia tăng số lượng cá tự nuôi với chi phí cạnh tranh và hiệu quả được cải thiện.

Mặc dù chúng tôi không kỳ vọng giá thị trường nguyên liệu sẽ tăng cao trong nửa đầu năm 2020, nhưng chúng tôi có thể có được lợi nhuận từ hoạt động nuôi thông qua lợi thế thức ăn cá sử dụng với số lượng lớn. Năm 2020 và những năm sau, chúng tôi có nhiều cơ hội trong trung hạn để gia tăng lợi nhuận thông qua việc cải thiện chất lượng cá nguyên liệu, cá giống và cá thành phẩm.

Một trong những dự án quan trọng trong chiến lược của chúng tôi về đổi mới trong nuôi trồng thủy sản là việc thiết kế và xây dựng trại giống mới với giai đoạn một đã bắt đầu từ cuối năm 2019. Trong năm nay, chúng tôi tiếp tục thực hiện những chương trình quan trọng khác tại trại giống mới này và đồng thời hoàn tất các thủ tục để mở rộng cho giai đoạn hai.

MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG VÀ NHỮNG THÁCH THỨC

Năm 2020 được dự báo là năm thứ hai mà thị trường cá tra sẽ được điều chỉnh sau đợt thiếu hụt cá nghiêm trọng và chi phí nguyên liệu tăng cao trong năm 2017 và 2018.

Nếu như doanh số xuất khẩu 2019 thấp hơn kỳ vọng do mức các nhà nhập khẩu có mức tồn kho cao từ cuối năm 2018 thì năm 2020 dự kiến sẽ tăng lượng xuất khẩu do tồn kho đã được giảm đáng kể về mức bình thường thậm chí thiếu hụt. Giá bán dự kiến sẽ ổn định trong nửa đầu năm 2020 và có sự điều chỉnh tăng theo cung cầu thị trường vào các tháng cuối năm.

Đối với chiến lược bán hàng dài hạn, Vĩnh Hoàn sẽ thực hiện các chính sách bán hàng theo định hướng thị trường và sản phẩm, mở rộng doanh số tại những thị trường lớn và thị trường mới, thúc đẩy thương mại tự do và hình ảnh của ngành cá tra Việt Nam, đổi mới những kỹ thuật nuôi trồng để gia tăng tính bền vững. Vĩnh Hoàn tin tưởng rằng những chiến lược như này sẽ giúp cải thiện giá bán, xây dựng quan hệ khách hàng lâu dài, phát triển doanh số bán hàng và đa dạng hóa doanh thu.

Trong ngắn hạn, thế giới đang phải đối mặt với sự biến động chưa từng có bởi đại dịch COVID-19. Vào tháng 2 năm 2020, nhu cầu từ thị trường Trung Quốc giảm và bắt đầu phục hồi từ tháng 3 năm 2020 khi tình hình dịch bệnh tại đây được kiểm soát song song nhu cầu gia tăng từ phân khúc bán lẻ hiện đại và thương mại điện tử. Nhu cầu tại thị trường Mỹ sụt giảm trong ngắn hạn đối với mảng nhà hàng, dịch vụ bữa ăn và gia tăng ở các khách hàng bán lẻ. Nhu cầu từ các khách hàng chiến lược tại EU tương đối ổn định trong giai đoạn này do cá tra chủ yếu được bán tại siêu thị. Ở EU còn có cơ hội phát triển các phân khúc thị trường mới sau khi mới được tung ra khi thuế nhập khẩu bị loại bỏ theo lộ trình 3 năm của EVFTA.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG NÔNG NGHIỆP

Cá tra có thể đóng vai trò gì trong việc gia tăng nhu cầu lương thực toàn cầu? Làm thế nào để chúng ta có thể đáp ứng nhu cầu khi dân số có thể tăng lên đến 9 tỷ người vào năm 2050 mà vẫn bảo vệ môi trường sống? Việc mong muốn tìm ra lời giải cho những câu hỏi đó đã thôi thúc Vĩnh Hoàn có tầm nhìn dài hạn và đầu tư cho tương lai thông qua những ý tưởng, sáng kiến đổi mới thực hiện trong những năm gần đây.

Chúng tôi tin rằng công nghệ có thể mở ra những cơ hội mới và giúp giải quyết những vấn đề có liên quan đến sản xuất, truy xuất nguồn gốc và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

Một trong những khoản đầu tư dài hạn quan trọng vào đổi mới nuôi trồng chính là trại cá giống Vĩnh Hoàn. Trại cá giống này được khởi công vào năm ngoái trên Cồn Vĩnh Hòa, thuộc tỉnh An Giang và Đồng Tháp. Lý do chính của tình trạng thiếu hụt cá nguyên liệu trong năm 2018 là do thiếu hụt cá giống. Dự án này giúp đảm bảo nguồn cung giống, cải thiện chất lượng cá nguyên liệu và kiểm soát chi phí nuôi.

Đã có nhiều những nghiên cứu và phát triển về cá nguyên liệu nhưng việc đầu tư vào nhân giống cá tra lại vẫn còn khá hạn chế tính đến thời điểm này. Do đó trọng tâm của dự án này còn là hoạt động nghiên cứu và ứng dụng quy trình, kỹ thuật mới, với việc học tập kinh nghiệm từ ngành nuôi tôm và cá hồi. Trong năm 2020, chúng tôi tiếp tục xây dựng trại cá giống và hoàn thành các thực nghiệm về quá trình sinh sản, ấp trứng và ương dưỡng để sẵn sàng cho việc ứng dụng vào sản xuất giai đoạn một vào cuối năm.

Một bước tiến khác mà Vĩnh Hoàn đóng vai trò tiên phong là trong nuôi trồng thủy sản là việc tiêm vắc-xin cho cá tra quy mô lớn. Chúng tôi tin rằng điều này không chỉ đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng đối với các sản phẩm thủy sản nuôi không sử dụng thuốc mà còn cải thiện hiệu suất nuôi trong dài hạn.

Chúng tôi tiếp tục đánh giá hiệu quả của hoạt động tiêm vắc-xin cho cá để tiến hành triển khai trên khắp các vùng nuôi và khai phá cơ hội vào thị trường bán lẻ các sản phẩm thực phẩm cao cấp, tự nhiên trên thế giới.

Với việc hoàn thành việc xây dựng 220 héc-ta của vùng nuôi Tân Hưng tại tỉnh Long An và mở rộng thêm một số diện tích nuôi khác, năm 2020 chúng tôi lên kế hoạch tiếp tục nguyên cứu và phát triển các giải pháp cải thiện quy trình nuôi, dinh dưỡng cho cá và ứng dụng máy móc trang thiết bị để cải thiện hiệu quả nuôi.

Vĩnh Hoàn là công ty cá tra đầu ngành Việt Nam và là sự lựa chọn ưu tiên của các nhà nhập khẩu, được biết đến nhờ sở hữu hệ thống sản xuất hiệu quả nhất về quy mô kinh tế và mức độ chặt chẽ trong quản lý chất lượng. Chúng tôi đã luôn nỗ lực và đầu tư nhằm liên tục tối ưu hóa để tăng tính cạnh tranh thông quan việc cải tiến quy trình và nâng cấp máy móc trang thiết bị.

Thêm vào đó, dây chuyền sản xuất gelatin mở rộng sẽ được hoàn thành vào tháng Bảy năm 2020 để đạt công suất 3.500 tấn thành phẩm mỗi năm. Ngoài ra, chúng tôi đã ra mắt thành công sản phẩm mới, đó là collagen Tripeptides và Nano collagen sau nhiều nỗ lực nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm trong năm 2019. Collagen Tripeptides và Nano collagen có khối lượng phân tử và chuỗi amino acid vượt trội hơn so với các sản phẩm collagen hiện có và chủ yếu đáp ứng nhu cầu trên thị trường cho mỹ phẩm chăm sóc da.

CHI PHÍ ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH NĂM 2020

Trong năm 2020, chúng tôi đầu tư ba dự án chính là xây dựng trại cá giống Vĩnh Hoàn, mở rộng cải tạo dây chuyền sản xuất nhà máy Vĩnh Hoàn Collagen và xây dựng nhà máy tinh luyện dầu cá, với tổng số vốn đầu tư là 205 tỷ đồng. Chúng tôi còn dành 30 tỷ đồng cho việc xây dựng những vùng nuôi nhỏ và cải tạo những vùng nuôi hiện thời. Chi phí đầu tư hoàn thành và đầu tư mới kho lạnh tại Vĩnh Phước là 160 tỷ đồng. Những chi phí cải tạo khác sẽ vào khoảng 185 tỷ đồng. Tổng chi phí đầu tư trong năm 2020 chúng tôi dự kiến là 580 tỷ đồng.

DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN KẾ HOẠCH NĂM 2020

Dựa vào phân tích và dự đoán về thị trường nêu trên, chúng tôi kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2020 như sau:

NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2019	KẾ HOẠCH NĂM 2020 CAO	KẾ HOẠCH NĂM 2020 THẤP
DOANH THU HỢP NHẤT	7.867	8.600	6.450
LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT	1.179	1.063	800

Đơn vị tính: tỷ đồng

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của chúng tôi có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố sau: nền kinh tế toàn cầu suy yếu kéo dài, sự gia tăng các hàng rào thuế quan và phi thuế quan, tỷ giá hối đoái bất ổn, gián đoạn trong chuỗi cung ứng. Những yếu tố này dẫn đến kế hoạch năm 2020 có hai kịch bản như trên.

4.2 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TÓM TẮT TÌNH HÌNH CHUNG

TỔNG QUAN NGÀNH NĂM 2019

2019: NĂM ĐẦY THỬ THÁCH CHO THỦY SẢN VIỆT NAM

Xuất khẩu cá tra Việt Nam đạt 2 tỷ USD, giảm khoảng 11,4% so với năm 2018. Lý do chính cho sự sụt giảm này là sự gia tăng diện tích nuôi trồng với 6,6 nghìn héc-ta, tăng khoảng 22,2% so với năm 2018. Điều này dẫn đến sự sụt giảm giá cá nguyên liệu và giá xuất khẩu ở tất cả các thị trường.

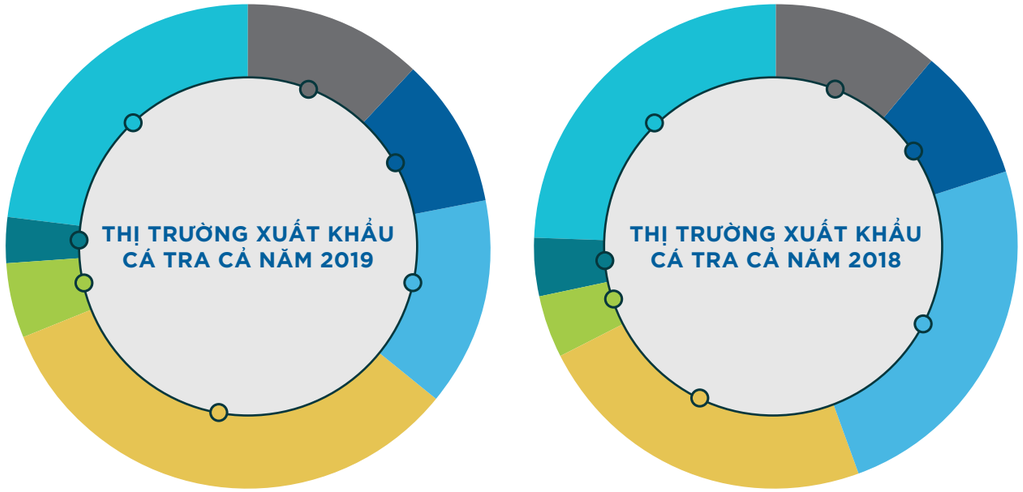

NĂM	EU	ASEAN	MỸ	TRUNG QUỐC	MEXICO	BRAZIL	CÁC TT KHÁC
2019	12%	10%	14%	33%	5%	3%	23%
2018	11%	9%	24%	23%	4%	4%	24%

Nguồn: Vasep

Tổng số lượng cá tra được nuôi tại Việt Nam ước tính 1,42 triệu tấn - bằng với năm 2018 trong khi giá nuôi cá tra giảm trung bình 44% so với năm 2018.

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CÁ TRA:

Đối với thị trường xuất khẩu cá tra, những thay đổi trong những thị trường chính cho năm 2019 được trình bày với bảng số liệu bên dưới

THỊ TRƯỜNG	XUẤT KHẨU NĂM 2019 (TRIỆU USD)	TỶ TRỌNG NĂM 2019	XUẤT KHẨU NĂM 2018 (TRIỆU USD)	TỶ TRỌNG NĂM 2018	2019 SO SÁNH 2018 (%)
Trung Quốc (bao gồm Hongkong)	662,518	33,0%	528,657	23,4%	25,3%
Mỹ	287,767	14,4%	549,452	24,3%	-47,6%
EU	235,448	11,7%	243,958	10,8%	-3,5%
Đông Nam Á	195,437	9,7%	202,652	9,0%	-3,6%
Mexico	92,414	4,6%	99,408	4,4%	-7,0%
Brazil	61,405	3,1%	86,807	3,8%	-29,3%
Colombia	46,767	2,3%	62,591	2,8%	-25,3%
Nhật	31,209	1,6%	32,206	1,4%	-3,1%
TT Khác	391,681	19,5%	455,756	20,1%	-14,1%
Tổng cộng	**2.004,646**	**100%**	**2.261,487**	**100%**	**-11,4%**

Nguồn: Vasep

Thị trường Trung Quốc chiếm khoảng 33% tổng giá trị xuất khẩu cá tra Việt Nam 2019, ghi nhận sự tăng trưởng khoảng 25% so với năm 2018. Cá tra đã được phân phối tại Trung Quốc ở cả kênh thông thường và kênh trực tuyến. Ngược lại, tại Mỹ ghi nhận sự sụt giảm đáng kể về tỷ trọng từ 24% (2018) còn 14% (2019), nguyên nhân chủ yếu đến từ việc giá bán giảm. Trong năm 2019, nhà nhập khẩu Mỹ có xu hướng mua để sử dụng trong thời gian ngắn và không trữ hàng tồn kho, mặc dù lượng tiêu thụ vẫn tăng và duy trì ở mức cao.

Hiệp định Thương mại Tự do EU – Việt Nam EVFTA được ký kết từ năm 2016 chuẩn bị được thực thi. Thuế của EU đối với hàng nhập khẩu từ Việt Nam sẽ được loại bỏ dần trong 7 năm. Khi Nghị viện châu Âu phê chuẩn, mức thuế đối với cá tra phi lê sẽ ngay lập tức giảm 50% và bằng 0 trong 3 năm (mức thuế hiện tại là 5,5%). Hiệp định EVFTA này sẽ thúc đẩy thương mại giữa Việt Nam và EU. Trong năm 2019, việc bán hàng sang châu Âu giảm nhẹ, chủ yếu là do giá bán giảm. EU tiếp tục là thị trường chiến lược cho cá tra Việt Nam, chiếm 12% tổng sản lượng xuất khẩu cá tra năm 2019 (năm 2018: 11%).

Tháng 10 năm 2019, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ chính thức quyết định phê duyệt việc kiểm tra tương đương hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm cho cá tra Việt Nam theo tiêu chuẩn của Hoa Kỳ. Việc xác định tương đương một lần nữa khẳng định uy tín của ngành cá tra Việt Nam trong việc kiểm soát an toàn thực phẩm và mở ra cơ hội phát triển cho hoạt động xuất khẩu cá tra sang Mỹ.

Trong năm, Bộ Thương mại Hoa Kỳ cũng đã công bố kết quả cuối cùng của đợt xem xét hành chính lần thứ 14 (POR14) thuế chống bán phá giá đối với các lô hàng cá tra Việt Nam. Theo đó, mức thuế cho Hùng Vương là 3,87USD/kg và Nha Trang Seafoods là 1,37USD/kg. Bốn công ty bao gồm C.P Việt Nam, CLPangafish Corp, Green Farms Seafood và Vinh Quang Corp chịu mức thuế trung bình là là 1,37USD/kg. Vĩnh Hoàn và Biển Đông vẫn giữ nguyên mức trước đó lần lượt là 0 và 0,19USD/kg.

NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT CỦA VĨNH HOÀN TRONG NĂM 2019

• Năm 2019 là năm đầy thách thức với việc hàng tồn kho quá mức ở các thị trường và nguồn cung vượt mức tại Việt Nam đến từ sự tăng mạnh về sản lượng nuôi trồng. Do đó, kết quả tài chính của Vĩnh Hoàn về lợi nhuận ròng vượt trên nghìn tỷ đồng, đạt 1.179 tỷ đồng là thành quả vượt bật đến từ những khoản đầu tư của chúng tôi vào chuỗi giá trị đầy đủ và nhất quán. Năm 2019 là năm tốt thứ hai từ trước đến nay về lợi nhuận của Vĩnh Hoàn. Chúng tôi đã kiểm soát, áp dụng đổi mới và công nghệ và đạt được nhiều thành quả trên từng công đoạn trong chuỗi giá trị: trại giống, vùng nuôi, sản xuất và bán hàng. Đây là kết quả đáng tự hào so với các công ty niêm yết khác cùng ngành.

CÔNG TY	MÃ CHỨNG KHOÁN	DOANH THU 2019	LỢI NHUẬN RÒNG 2019	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, LÃI VAY VÀ KHẤU HAO (EBITDA) 2019
Vĩnh Hoàn	VHC	7.867.144	1.179.123	1.534.109
Navico	ANV	4.480.866	704.044	960.448
Hùng Vương	HVG	4.106.440	-1.123.449	-667.266
I.D.I	IDI	7.731.883	325.956	559.047
CLPangafish Corp	ACL	1.417.535	141.713	244.604

Đơn vị tính: triệu đồng Nguồn: BCTC cho năm kết thúc tài chính 2019 đã kiểm toán

• Vĩnh Hoàn – Nhà sản xuất cá tra lớn nhất thế giới: Vĩnh Hoàn tiếp tục duy trì hạng nhất năm 2019; trong khi đó vị trí thứ hai và thứ ba đã có sự thay đổi

HẠNG	CÔNG TY	GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU (TRIỆU USD)	TỶ TRỌNG XUẤT KHẨU CÁ TRA VIỆT NAM (%)
1	Vĩnh Hoàn	285,8	14,29%
2	Navico	136,1	6,80%
3	Biển Đông	130,3	6,52%
4	I.D.I	118,2	5,91%
5	Godaco	94,7	4,74%

Nguồn: Vasep

• Vĩnh Hoàn – Nhà sản xuất thủy hải sản lớn thứ hai của Việt Nam năm 2019. Bốn công ty khác trong tốp 5 là sản xuất tôm*.

HẠNG	CÔNG TY	GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU (TRIỆU USD)	TỶ TRỌNG XUẤT KHẨU THỦY HẢI SẢN VIỆT NAM (%)
1	Minh Phú	392,5	4,58%
2	Vĩnh Hoàn	285,8	3,33%
3	Minh Phú Hậu Giang	250,6	2,92%
4	Stapimex	204,4	2,38%
5	Cases	195,2	2,28%

Nguồn: Vasep

• Thuế suất chống bán phá giá 0% tại thị trường Mỹ được duy trì trong năm 2019 (tương ứng với kỳ xem xét hành chính POR 14 và POR 15).

• Mảng kinh doanh sản phẩm Wellness (collagen và gelatin) thành công ấn tượng. Dây chuyền sản xuất hoạt động với toàn bộ công suất và đóng góp đáng kể vào lợi nhuận của Công ty. Công ty đã thành công trong việc mở rộng mạng lưới khách hàng với 77 khách hàng tại 19 quốc gia trên thế giới bao gồm châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đông Nam Á và Đông Á.

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU COLLAGEN VÀ GELATIN

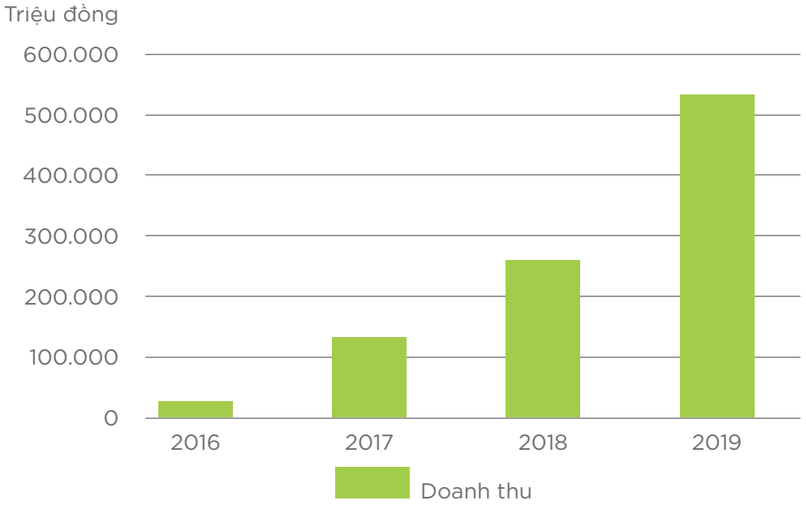

• Tận dụng được nhiều giá trị hơn thông qua việc tăng hiệu quả, tối ưu hóa hoạt động của chuỗi sản xuất;
• Dự án cá giống chất lượng cao nhằm cung cấp nguồn cá giống khỏe mạnh, tăng trưởng nhanh và giảm chi phí nuôi;
- Áp dụng những cải tiến để nâng cao hiệu quả và tiết kiệm chi phí trong quá trình nuôi trồng và sản xuất
- Phát triển các sản phẩm collagen cao cấp mới có giá trị cao bao gồm Nano Collagen và Collagen Tripeptides. Sản phẩm với khối lượng phân tử và chuỗi amino acid vượt trội hơn so với các sản phẩm collagen hiện có giúp tăng cường đáng kể hiệu quả sinh học trên da chỉ với một liều lượng nhỏ.
- Chính sách bảo vệ môi trường được áp dụng xuyên suốt trong toàn bộ các công đoạn chuỗi giá trị.
- Công ty đã thực hiện Sổ tay Văn hóa lan truyền năm giá trị cốt lõi: Cam kết – Đổi mới – Tận tâm – Chuyên nghiệp – Chia sẻ.
- Tài chính vững mạnh biểu hiện thông qua các chỉ số cơ bản:

+ KHẢ NĂNG THANH TOÁN LÃI VAY (LẦN):

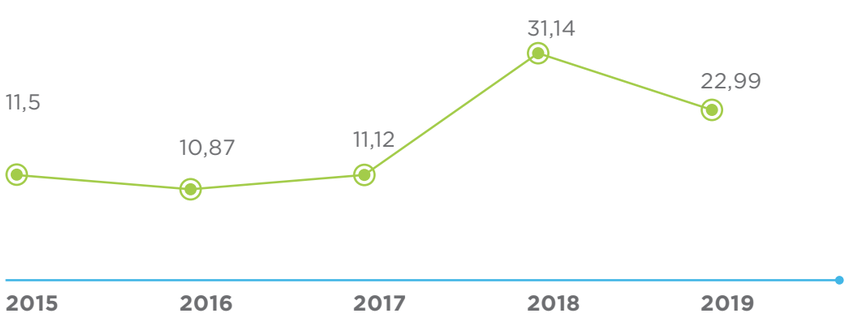

+ TỶ SỐ THANH TOÁN NHANH (LẦN):

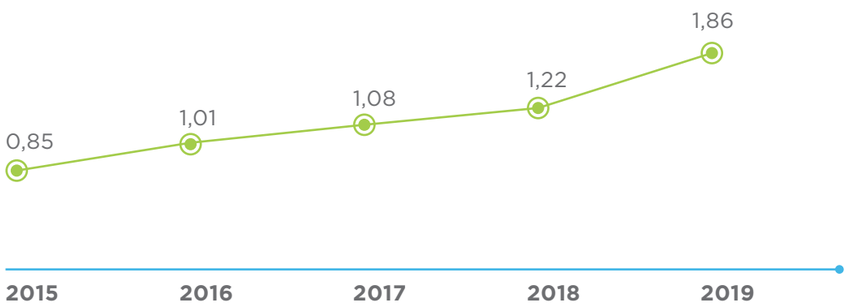

+ TỶ SỐ THANH TOÁN HIỆN HÀNH (LẦN):

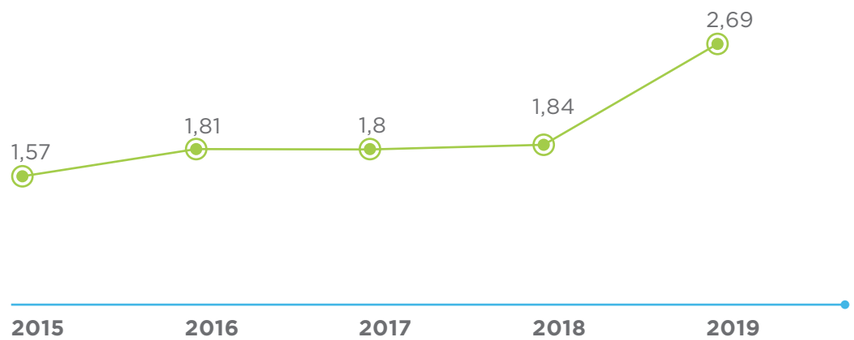

+ NHÓM CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN:

CÁC HỆ SỐ ĐÒN BẨY TÀI CHÍNH	NĂM 2019	NĂM 2018
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,26	0,36
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	0,36	0,57

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA VĨNH HOÀN TRONG NĂM 2019

THÁNG 1/2019:

Công ty TNHH Sản xuất giống cá tra Vĩnh Hoàn được thành lập tại thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;
Nhận giải thưởng "Sáng tạo của năm" từ nhà bán lẻ Woolworth, Úc cho sản phẩm "Fish Bites" .

THÁNG 3/2019:

Bà Trương Thị Lệ Khanh – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn lần thứ hai được vinh dự nhận giải thưởng "Top 50 người phụ nữ có ảnh hưởng nhất Việt Nam năm 2019" bởi Tạp chí Forbes Việt Nam (lần đầu tiên vào năm 2016).

THÁNG 4/2019:

Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã công bố kết quả cuối cùng của đợt xem xét hành chính lần thứ 14 (POR14) thuế chống bán phá giá đối với các lô hàng cá tra Việt Nam, trong đó mức thuế của Vĩnh Hoàn duy trì bằng 0.

THÁNG 6/2019:

Vĩnh Hoàn được vinh danh là một trong 50 công ty niêm yết có hoạt động kinh doanh tốt nhất Việt Nam bởi Tạp chí Nhịp cầu đầu tư.

THÁNG 8/2019:

Vĩnh Hoàn được Forbes Việt Nam bình chọn là một trong 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, đây là lần thứ 6 liên tiếp Vĩnh Hoàn nhận được vinh dự này.

THÁNG 9/2019:

Vĩnh Hoàn và đối tác đã cho ra mắt sản phẩm collagen đạt chứng nhận ASC đầu tiên trên thế giới tại Thụy Điển. Sản phẩm collagen này có nguồn gốc từ sản phẩm cá tra được chứng nhận ASC của Vĩnh Hoàn.

THÁNG 11/2019:

Mỹ công nhận tương đương hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm cá da trơn của Việt Nam.

THÁNG 12/2019:

Vĩnh Hoàn nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì những đóng góp cho các hoạt động cộng đồng và các chương trình từ thiện.

TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018 là cột mốc quan trọng trong lịch sử Vĩnh Hoàn, với mức lợi nhuận đáng kinh ngạc là 1.442 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến năm 2019, tình hình thị trường đã thay đổi và không thuận lợi với sự sụt giảm từ thị trường Mỹ do trữ lượng tồn kho cao tại hầu hết các nhà phân phối kể từ năm 2018, và giá đã giảm so với năm 2018 ở tất cả các thị trường.

Trong tình hình bất lợi của thị trường như vậy, chúng tôi tự hào rằng Vĩnh Hoàn có năm kinh doanh 2019 lợi nhuận cao đứng thứ hai từ trước đến nay, với mức lợi nhuận ròng sau thuế đạt 1.179 tỷ đồng.

Chúng tôi đã mở ba thị trường mới vào năm 2019 bao gồm Honduras, Colombia và Hàn Quốc. Vĩnh Hoàn trở thành công ty xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc. Với thành tích đó, Vĩnh Hoàn tự hào rằng chúng tôi là công ty xuất khẩu hàng đầu tại ba thị trường xuất khẩu cá tra chính của Việt Nam đó là Trung Quốc, Mỹ và Châu Âu.

Năm 2019 là năm thành công của các sản phẩm Collagen và Gelatin với mức tăng trưởng doanh thu là 195% và mức lợi nhuận ròng vượt kế hoạch, đóng góp đáng kể vào lợi nhuận chung của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	2015	2016	2017	2018	2019	2019 THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH
Doanh thu thuần	6.493.390	7.303.546	8.151.497	9.271.329	7.867.144	78%
Lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT)	423.510	740.579	794.222	1.743.548	1.368.905	
Lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao (EBITDA)	567.872	887.417	993.068	1.899.850	1.534.109	
Lợi nhuận ròng	322.558	566.737	604.706	1.442.182	1.179.123	94%

Đơn vị tính: triệu đồng

Kết quả hoạt động năm 2019 là năm có lợi nhuận cao thứ hai trong lịch sử đối với Vĩnh Hoàn. Điều này cho thấy rằng trong một năm đầy khó khăn và thử thách, Vĩnh Hoàn đã đạt được kết quả kinh doanh tốt với nguồn tài chính mạnh mẽ, mạng lưới khách hàng rộng khắp, luôn đặt chất lượng lên hàng đầu và đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững. Chuỗi giá trị hoàn chỉnh mà Vĩnh Hoàn đã đầu tư, từ vùng nuôi, chế biến, công nghệ cho đến con người, khách hàng và tính sáng tạo, đã góp phần mang lại sự thành công.

DOANH THU BÁN HÀNG

Collagen và Gelatin là hai sản phẩm có mức tăng trưởng doanh thu gấp đôi trong năm 2019, so với năm 2018. Với nhu cầu cao về sản phẩm collagen và gelatin từ cá cộng với chất lượng mà Vĩnh Hoàn mang lại, giá bán các sản phẩm này đã tăng đáng kể. Vĩnh Wellness là thương hiệu của Vĩnh Hoàn đã có 77 khách hàng tại 19 quốc gia, trong đó bao gồm các thị trường chính là Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan và EU. Vĩnh Wellness cũng ra mắt hai sản phẩm mới là Nano Collagen với trọng lượng phân tử 500Da và Collagen Tripeptides với rCTP 15-25% và GPH 2-4% cho thị trường cao cấp. Đây là những sản phẩm collagen có độ tinh khiết cao với tác dụng trị liệu cao cho da.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm và loại hình kinh doanh

DOANH THU BÁN HÀNG	DOANH THU NĂM 2019 (TỶ ĐỒNG)	TỶ TRỌNG DOANH THU NĂM 2019 (%)	DOANH THU NĂM 2018 (TỶ ĐỒNG)	TỶ TRỌNG DOANH THU NĂM 2018 (%)
Doanh thu bán hàng thành phẩm	5.673	72,1%	7.231	78,0%
Doanh thu bán hàng hóa	1.163	14,8%	864	9,3%
Doanh thu bán sản phẩm phụ	967	12,3%	1.102	11,9%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54	0,7%	53	0,6%
Doanh thu bán nguyên vật liệu	10	0,1%	21	0,2%

LỢI NHUẬN

Lợi nhuận theo loại sản phẩm

BIÊN LỢI NHUẬN GỘP (GPM)	NĂM 2019	NĂM 2018	SO SÁNH (%)
GPM cho thành phẩm	22,5%	26,5%	-15,1%
GPM cho hàng hóa	4,5%	5,1%	-11,8%
GPM cho sản phẩm phụ	12,7%	11,5%	10,4%

So với năm 2018, một năm với sự thiếu hụt cá nguyên liệu, sức bán của Vĩnh Hoàn mạnh hơn, nhưng lợi nhuận trong năm 2019 sụt giảm đặc biệt đối với sản phẩm chính. Điều này đã được dự báo trong năm 2018 khi Công ty tiến hành lên kế hoạch cho năm 2019. Khi lên kế hoạch, chúng tôi không hướng đến gia tăng lợi nhuận mà tập trung mở rộng thị trường và phát triển vị thế tại các thị trường chiến lược như Trung Quốc, Châu Âu. Trong năm 2019, chúng tôi tự hào rằng đã đạt được mục tiêu khi có vị trí dẫn đầu tại hai thị trường này. Doanh thu bán hàng của Công ty tăng 51% đối với thị trường Trung Quốc (bao gồm Hong Kong) và 12% đối với thị trường Châu Âu, trong khi con số này cho toàn ngành là 25,3% cho Trung Quốc và -3,5% cho EU.

THỊ TRƯỜNG CÁ TRA

Đối với sản phẩm chính, thị trường Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Vĩnh Hoàn với tỷ trọng 54% trên doanh thu các sản phẩm cá tra, giảm so với năm 2018 là 70% trên tổng doanh thu. Trong giai đoạn đầu năm 2019, thị trường Mỹ đã sụt giảm đáng kể bởi lượng hàng tồn kho cao từ năm 2018 và xu hướng gia tăng sản lượng nuôi tại Việt Nam.

Trung Quốc (bao gồm Hong Kong) là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Vĩnh Hoàn với tỷ trọng 22% trên doanh thu các sản phẩm cá tra, gấp đôi so với con số 11% năm 2018. Vĩnh Hoàn đã thành công trong việc gia tăng doanh số bán hàng thông qua các kênh bán hàng thông thường và kênh bán hàng trực tuyến, trong đó phải kể đến các chuỗi nhà hàng và trên các nền tảng thương mại điện tử tại Trung Quốc.

Với việc Hiệp định Thương mại Tự do EU – Việt Nam (EVFTA) có hiệu lực trong năm 2020, Vĩnh Hoàn tập trung đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường châu Âu. Châu Âu luôn là thị trường chiến lược của Công ty do có cùng tầm nhìn về chất lượng và yêu cầu cao liên quan đến phát triển bền vững.

Vĩnh Hoàn có hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ và hệ thống từ vùng nuôi đến sản xuất đạt các chứng chỉ uy tín. Điều này giúp Công ty tiếp tục phát triển bán hàng và vị thế tại Châu Âu. Châu Âu hiện là thị trường xuất khẩu lớn thứ ba của Công ty với tỷ trọng 14% trên doanh thu các sản phẩm cá tra. Trong đó, doanh thu bán hàng gia tăng đáng kể tại các thị trường Anh, Đức và Thụy Sĩ.

Những khoản đầu tư của Công ty cho Vĩnh Hoàn Collagen và Thanh Bình Đồng Tháp đã mang lại kết quả đầy khả quan, đóng góp tích cực trong tổng doanh thu và lợi nhuận của Vĩnh Hoàn.

Vĩnh Hoàn Collagen với các sản phẩm công nghệ cao đã tạo ra lợi thế cạnh tranh cho Vĩnh Hoàn. Đội ngũ nghiên cứu và phát triển luôn nỗ lực tạo ra các dòng sản phẩm mới và tung ra các mặt hàng cao cấp như Nano Collagen và Collagen Tripeptides. Đây là dòng sản phẩm cho phân khúc cao cấp trên thị trường collagen, giúp Công ty xây dựng được vị thế và uy tín trên thị trường.

Thanh Bình Đồng Tháp là nhà máy chế biến được Vĩnh Hoàn mua lại từ tháng 02 năm 2017. Sau khi tiến hành mở rộng năm 2018, Thanh Bình Đồng Tháp đã giúp Vĩnh Hoàn gia tăng năng lực sản xuất để đáp ứng sự gia tăng nhu cầu của thị trường.

Vĩnh Hoàn thành lập Vĩnh Phước vào tháng 08 năm 2018 sau khi mua lại nhà máy chế biến này từ một công ty nội địa. Trong năm 2019, Vĩnh Phước đã nâng cấp nhà xưởng để đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất cao của Vĩnh Hoàn. Công ty còn tập trung vào công tác tuyển dụng và đào tạo để xây dựng đội ngũ lao động có tay nghề cho nhà máy.

Cũng trong giai đoạn này, Vĩnh Phước tiến hành xây dựng một nhà máy sản xuất bột cá và dầu cá. Trong giai đoạn sắp tới, Vĩnh Phước được kỳ vọng sẽ mang lại những giá trị đáng kể cho chuỗi giá trị của Công ty.

HÀNG TỒN KHO

HÀNG TỒN KHO	TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 (TỶ ĐỒNG)	TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (TỶ ĐỒNG)
Nguyên vật liệu	124,3	58,6
Công cụ, dụng cụ	3,6	2,6
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	610,7	516,2
Hàng hóa	5,8	6,3
Thành phẩm	613,9	801,9
Hàng gởi đi bán	30,8	-
Khác	24,7	-
TỔNG CỘNG	**1.413,8**	**1.385,6**

Công ty luôn duy trì mức tồn kho bình quân ổn định và phù hợp với năng lực bán hàng.

LỢI NHUẬN PHÂN PHỐI

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 26 tháng 4 năm 2019, Vĩnh Hoàn đã trả cổ tức cho năm 2018 và 2019. Cụ thể, Công ty đã phân phối lợi nhuận cho năm 2018 bằng tiền mặt (với tỷ lệ chi trả 40%) thành hai lần như sau:

- Tháng 12 năm 2018: 2.000 VND/cổ phần
- Tháng 05 năm 2019: 2.000 VND/cổ phần

Đối với lợi nhuận năm 2019, vào tháng 12 năm 2019, Công ty đã trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1, tương đương sở hữu một cổ phiếu nhận được thêm một cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành mới là 90.973.013 cổ phiếu.

4.3 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2020

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019

STT	HỌ & TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LẦN DỰ HỌP	TỶ LỆ DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Trưởng Ban Kiểm soát	3/3	100%	
2	Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên Ban Kiểm soát	3/3	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Thái Ly	Thành viên Ban Kiểm soát	2/3	68%	Bà Ly từ nhiệm từ ngày 26/04/2019
4	Bà Phan Thị Kim Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát	1/3	33%	Bà Hòa được Đại hội đồng cổ đông bầu vào Ban Kiểm soát từ ngày 26/04/2019

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

• Theo dõi tiến độ thực hiện các kế hoạch đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;
• Tham dự các cuộc họp hàng quý và đột xuất của Hội đồng Quản trị để kịp thời nắm bắt các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh;
• Lập kế hoạch và định hướng các hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ;
• Xem xét các quy trình kiểm soát nội bộ của các phòng ban chủ chốt, đề xuất cải thiện các điểm yếu trong quy trình (nếu có);
• Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của các công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính tại công ty;
• Xem xét các Báo cáo, các vấn đề phát sinh của các công ty kiểm toán độc lập và rà soát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cuối năm.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

• Góp ý với các vấn đề được đưa ra trong các buổi họp với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc;
• Góp ý với các vấn đề thiếu sót trong quy trình kiểm toán nội bộ tại các phòng ban;
• Góp ý hướng xử lý các vấn đề phát sinh trong báo cáo của kiểm toán độc lập.

Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong giám sát và nâng cao hiệu quả các hoạt động tại Công Ty.

Ban Kiểm soát đánh giá việc quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành đã thực hiện hiệu quả, cẩn trọng, và phù hợp với các chiến lược, mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra cũng như tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

• Hỗ trợ các phòng ban xây dựng và ban hành Quy chế Tài chính và cập nhật các quy trình hoạt động;
• Phân tích, đánh giá hiệu quả kiểm soát chi phí bán hàng;
• Phân tích, đánh giá hiệu quả kiểm soát giá thành nguyên liệu;
• Phân tích, đánh giá hiệu quả kiểm soát định mức và giá thành sản xuất;
• Kiểm soát quy trình tính lương và các khoản trợ cấp cho người lao động;
• Kiểm toán quy trình bán hàng và thanh toán;
• Tham gia chứng kiến kiểm kê;
• Tư vấn cho hội đồng quản trị các tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán; thông báo cho Hội đồng Quản trị các thủ tục trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua đơn vị kiểm toán độc lập cho năm 2019 trong kỳ trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

• Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ;
• Tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty;
• Giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2020;
• Tập trung kiểm soát các rủi ro chính đã phát hiện trong năm 2019;
• Thẩm tra định kỳ tính tuân thủ và hiệu quả của các quy trình nội bộ;
• Đào tạo nội bộ;
• Các hoạt động khác theo yêu cầu của cổ đông.

4.4 CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2019, đã phát sinh các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ như sau:

LOẠI GIAO DỊCH	TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN GIAO DỊCH	NGƯỜI LIÊN QUAN		SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU				NGÀY THỰC HIỆN	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU SAU GIAO DỊCH (%)	LÝ DO GIẢM
		TÊN	CHỨC VỤ	TRƯỚC GIAO DỊCH	MUA	BÁN	SAU GIAO DỊCH			
Bán	Phan Ngọc Minh	Phan Thị Kim Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát	135.000		135.000	0	27-28/05/2019	0,00%	Nhu cầu tài chính cá nhân
Bán	Công đoàn Cơ sở Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	Tổ chức Công đoàn		46.911		32.100	29.622	24-25/12/2019	0,02%	Giao dịch bán và được nhận cổ tức bằng cổ phiếu

4.5 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN (TẠI NGÀY 31/12/2019)

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU	183.376.956	CỔ PHIẾU
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000	đồng
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.430.930	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Chương trình sở hữu cổ phiếu cho người lao động trong công ty (ESOP)	37.652	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	181.908.374	cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 31/12/2019)

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
1	Cổ đông nhà nước	00	00	00	00	00
2	Cổ đông lớn	103.796.484	56,60%	09	08	01
	• Trong nước	*79.150.284*	*43,16%*	*01*	*00*	*01*
	• Nước ngoài	*24.646.200*	*13,44%*	*08*	*08*	*00*
3	Công đoàn Công ty	29.622	0,02%	01	01	00
	• Trong nước	*29.622*	*0,02%*	*01*	*01*	*00*
	• Nước ngoài	*00*	*00*	*00*	*00*	*00*
4	Cổ phiếu quỹ	1.430.930	0,78%	01	01	00
5	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	00	00	00	00	00
6	Cổ đông khác	78.119.920	42,60%	2.287	95	2.192
	• Trong nước	*39.781.324*	*21,69%*	*2.114*	*30*	*2.084*
	• Nước ngoài	*38.338.596*	*20,91%*	*173*	*65*	*108*
	TỔNG CỘNG	**183.376.956**	**100%**	**2.298**	**105**	**2.193**
	TRONG ĐÓ:					
	• Trong nước	*120.392.160*	*64,84%*	*2.117*	*32*	*2.085*
	• Nước ngoài	*62.984.796*	*35,13%*	*181*	*73*	*108*

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2019, có các thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

STT	NỘI DUNG	TRƯỚC KHI THAY ĐỔI	THAY ĐỔI	SAU KHI THAY ĐỔI	NGUYÊN NHÂN THAY ĐỔI	NGÀY THAY ĐỔI
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nghìn đồng)	924.039.430	909.730.130	1.833.769.560	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	31/12/2019
2	Số lượng cổ phiếu	92.403.943	90.973.013	183.376.956	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	31/12/2019
3	Cổ phiếu quỹ	1.430.930	0	1.430.930		
4	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	90.973.013	90.973.013	181.946.026	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	31/12/2019

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2019, phát sinh một giao dịch mua cổ phiếu quỹ.

Số lượng cổ phiếu quỹ đã giao dịch: **1.430.930 cổ phiếu**

Thời gian giao dịch: từ **30/09/2019** đến **18/10/2019**

Giá giao dịch bình quân: **79.700 đồng/cổ phiếu**

5

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trải qua hơn 22 năm hoạt động, Vĩnh Hoàn đã có những bước phát triển vượt bậc về kinh tế thông qua việc liên tục mở rộng quy mô nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu và luôn ở vị trí đầu ngành trong suốt nhiều năm qua. Vĩnh Hoàn đặt sứ mệnh của mình định hướng con đường phát triển bền vững thông qua việc cải tiến liên tục quy trình sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm, hoạt động của Công ty đảm bảo thân thiện với môi trường.

KÊNH TƯƠNG TÁC VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Vĩnh Hoàn đã làm việc với các bên liên quan thông qua các kênh chính thức và không chính thức để họ hiểu được các vấn đề môi trường và xã hội mà Công ty đang phải đối mặt. Bảng bên dưới mô tả các kênh tương tác giữa chúng tôi và các bên liên quan:

CÁC BÊN LIÊN QUAN	CÁC KÊNH TƯƠNG TÁC
Người lao động	• Đánh giá hiệu quả • Hoạt động tình nguyện • Các khóa đào tạo và các buổi hội thảo
Khách hàng	• Các chuyến thăm nhà máy và kiểm tra an toàn lao động • Các quy trình kiểm tra chất lượng
Nhà cung cấp	• Các chuyến thăm nhà máy và kiểm tra an toàn lao động • Chứng nhận thực hiện bởi bên thứ ba • Đánh giá của nhà cung cấp
Cổ đông và nhà đầu tư	• Đại hội đồng cổ đông thường niên • Các cuộc họp nhà đầu tư • Báo cáo năm và báo cáo quý
Cộng đồng và tổ chức từ thiện	• Quyên góp từ thiện • Tham gia vào các chương trình từ thiện • Các hoạt động tình nguyện

CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI TRỌNG YẾU

Công ty đã xem xét tính trọng yếu và xác định những vấn đề quan trọng trong các cam kết của mình đối với môi trường và xã hội như sau:

LĨNH VỰC	CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG
Môi trường	• Chất thải • Nước và nước thải • Nguồn tài nguyên và môi trường
Xã hội	• An toàn và chất lượng sản phẩm • Việc làm • Sức khỏe và an toàn • Phát triển và đào tạo • Hỗ trợ cộng đồng

CHẤT THẢI

Chiến lược quản lý chất thải của chúng tôi tập trung vào việc giảm và tái sử dụng chất thải. Chất thải được tạo ra từ các hoạt động của chúng tôi bao gồm chất thải hữu cơ, giấy, nhựa và kim loại.

Để giảm thiểu phát sinh chất thải, Công ty ký hợp đồng với các cơ sở tái chế đủ điều kiện thu gom và xử lý chất thải thành các nguyên vật liệu có ích. Ngoài ra, chúng tôi cũng đã phát động phong trào giảm sử dụng đồ nhựa sử dụng một lần thông qua việc không sử dụng chai nhựa và ống hút nhựa trong tất cả các cuộc họp của Công ty.

Trong quá trình hoạt động sản xuất, chúng tôi có sử dụng hóa chất dẫn đến tồn tại một lượng chất thải sau quá trình hoạt động. Những chất thải này bao gồm sơn, dung môi, chất hấp thu và chất có chứa kim loại nặng, như nhiệt kế để kiểm soát nhiệt độ trong kho và đèn huỳnh quang.

Là một đơn vị có trách nhiệm, Vĩnh Hoàn đã ký hợp đồng với các cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, luôn đảm bảo tuân thủ luật pháp và các quy định hiện hành trong việc xử lý các loại chất thải nguy hại này.

NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI

Việc quản lý nước và nước thải rất được quan tâm tại Công ty chúng tôi. Một loạt các sáng kiến liên quan đến quản lý nước và nước thải đã được thực hiện như:

• Các vùng nuôi xử lý nước thải và đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quy định;
• Chúng tôi đã lắp đặt các cơ sở xử lý nước thải bên trong các cơ sở của mình để đảm bảo chất lượng nước thải ra tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường có liên quan;
• Nhân viên được khuyến khích tiết kiệm nước trong các hoạt động hằng ngày.

NGUỒN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Chúng tôi đạt được chứng nhận tiêu chuẩn ISO 14001 về Hệ thống Quản lý Môi trường. Theo yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001 này, các cơ sở hoạt động của chúng tôi thường xuyên được đánh giá bởi bên thứ ba để đảm bảo việc tuân thủ các hướng dẫn và quy trình bảo vệ môi trường nhằm cải thiện môi trường sống. Các chứng nhận nuôi trồng bền vững của chúng tôi bao gồm chứng nhận Hội đồng Quản lý Nuôi trồng Thủy sản (“ASC”), Thực hành Nuôi trồng Thủy sản Tốt (“BAP”) và Thực hành Nông nghiệp tốt Toàn cầu (“Global GAP”) đưa ra các yêu cầu quản lý chặt chẽ về môi trường.

Vùng nuôi của chúng tôi nằm trong khu vực đã được xem xét và các thiết kế luôn được cân nhắc thân thiện với môi trường. Tất cả các vùng nuôi đều có quy hoạch ao xử lý nước thải và bùn thải để đảm bảo không gây nguy hại đến môi trường. Công ty đã thuê đơn vị có chức năng thực hiện đánh giá đầy đủ các tác động môi trường để có biện pháp ngăn chặn hoặc làm giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động nuôi trồng và chế biến. Trong năm 2019, Công ty không bị xử phạt liên quan đến vi phạm về vấn đề môi trường tại các nhà máy và vùng nuôi thủy sản.

Là một đơn vị có trách nhiệm với nguồn tài nguyên, hoạt động của vùng nuôi và nhà máy chế biến đảm bảo không làm ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học của hệ sinh thái xung quanh. Cụ thể, không để cá thoát ra ngoài đe dọa đến sự sinh tồn của các loài thủy sinh khác, không giết hại động vật hoang dã trong danh sách bảo tồn, không triệt phá các hệ thực vật quan trọng của khu vực.

AN TOÀN VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Chúng tôi luôn nỗ lực nhằm đảm bảo các sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn chất lượng và an toàn cao nhất. Phương thức tiếp cận toàn diện của chúng tôi với sản phẩm bắt đầu từ nguồn cung ứng nguyên liệu, từ chuỗi cung ứng, sản xuất chế biến và cuối cùng là các dịch vụ gia tăng giá trị.

Công ty yêu cầu các nhà cung cấp chia sẻ các cam kết và giá trị của chúng tôi, đặc biệt là về chất lượng và an toàn sản phẩm.

Nhằm đảm bảo an toàn và chất lượng sản phẩm, hầu hết các sơ sở của chúng tôi đều đạt được các chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001, Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm ISO 22000, Yêu cầu chung về Năng lực của Phòng thí nghiệm và Hiệu chuẩn ISO 17025, Thực hành Sản xuất Tốt (“GMP”), Phân tích Mối nguy và Kiểm soát Điểm tới hạn (“HACCP”), ASC, BAP 4 sao, Global GAP và Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế (“IFS”). Trong tương lai, chúng tôi sẽ tiếp tục cải thiện hoạt động của mình nhằm tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế này.

Tại các vùng nuôi, sức khỏe và vệ sinh động vật luôn được xem xét từ giai đoạn thiết kế đến hoạt động hàng ngày. Vùng nuôi và trại giống của chúng tôi nằm tại các vị trí chiến lược ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long được quy hoạch để nuôi trồng thủy sản, đảm bảo nguồn nước đầy đủ và tránh rủi ro ô nhiễm. Công ty cũng đã áp dụng các giải pháp an toàn sinh học, bao gồm kiểm soát ra vào cơ sở sản xuất, kiểm soát dịch bệnh và quản lý chất thải tại các vùng nuôi. Tại các vùng nuôi, hồ sơ được ghi chép đầy đủ từ cá bố mẹ đến cá giống, cá nuôi thương phẩm liên quan đến sức khỏe cá, nguồn gốc của thức ăn cá để đảm bảo độ an toàn và tính bền vững.

Chúng tôi đã đầu tư nhiều loại máy móc và trang thiết bị để đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn trong tất cả các xí nghiệp sản xuất. Chính sách quản lý khiếu nại khách hàng đề ra các quy trình xử lý khiếu nại khách hàng. Khi nhận được khiếu nại từ khách hàng, đội ngũ chăm sóc khách hàng của chúng tôi sẽ tiến hành điều tra kỹ lưỡng để xác định nguyên nhân của vấn đề, sau đó, chúng tôi sẽ đề xuất giải pháp cho khách hàng và liên hệ với bộ phận liên quan để cải thiện vấn đề này trong tương lai. Công ty còn thiết lập quy trình thu hồi sản phẩm vì lý do an toàn và sức khỏe. Trong khi đang điều tra nguyên nhân của việc thu hồi, Ban thu hồi của chúng tôi đảm bảo rằng quy trình thu hồi được thực hiện một cách minh bạch và hiệu quả.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại Vĩnh Hoàn, chúng tôi luôn luôn tạo điều kiện phát triển từng cá nhân người lao động. Công ty phát triển một chính sách toàn diện cho người lao động từ chính sách lương thưởng, đạo đức và quy tắc ứng xử trong kinh doanh, cho đến cơ hội nghề nghiệp bình đẳng. Nguyên tắc bình đẳng của chúng tôi hướng đến ngăn chặn phân biệt chủng tộc, tuổi tác và giới tính. Hơn nữa, sản phẩm của Công ty được xuất khẩu vào các thị trường lớn như Mỹ, Châu Âu, những nơi rất quan tâm đến chính sách cho người lao động. Công ty đã áp dụng và đạt được các tiêu chuẩn quốc tế như BSCI, BAP, GRASP (Global GAP), ASC... Đây là các tiêu chuẩn yêu cầu rất cao về chính sách cho người lao động. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chúng tôi có quy mô hơn 6.000 lao động.

Chúng tôi chú trọng vào việc xây dựng văn hóa giao tiếp cởi mở và trung thực trên toàn Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn sử dụng nhiều kênh khác nhau để thu thập các ý kiến và đề xuất của người lao động. Cụ thể, Công đoàn tại Vĩnh Hoàn được thành lập nhằm tạo điều kiện cho đại diện người lao động có các cuộc họp với các quản lý cấp cao. Tại cuộc họp này, đại diện người lao động có thể nêu lên những ý kiến và mối quan tâm của họ về phúc lợi cũng như về điều kiện làm việc. Các ý kiến này sau đó sẽ được nghiêm túc thảo luận bởi các quản lý cấp cao và đưa ra những hành động cần thiết.

Chúng tôi thấu hiểu được rằng người lao động sẽ làm việc hiệu quả hơn và có động lực hơn khi họ cân bằng được giữa cuộc sống và công việc hằng ngày. Vì vậy, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động giải trí và các cuộc thi thể thao để luôn duy trì và tạo động lực làm việc cho người lao động. Chúng tôi còn có các chương trình học bổng cho con em cán bộ công nhân viên. Chúng tôi khuyến khích các gia đình tham gia vào các hoạt động ý nghĩa như tổ chức lễ Vu Lan và dành tặng những món quà đầy tình cảm tri ân đến đấng sinh thành.

SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Chúng tôi tự hào rằng Công ty đã và đang xây dựng một môi trường làm việc an toàn cho người lao động. Công ty thực hiện đánh giá các rủi ro, tổ chức tập huấn về an toàn lao động hàng năm và thường xuyên kiểm tra, bảo trì các máy móc trang thiết bị đang hoạt động để đảm bảo chúng đang hoạt động tốt.

Công ty cung cấp các buổi đào tạo cho người lao động trong việc vận hành máy để đảm bảo người sử dụng hiểu và thực hiện đúng các thao tác an toàn. Chúng tôi còn cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ cá nhân cần thiết như mũ bảo hộ, khẩu trang, găng tay. Quy định của chúng tôi yêu cầu nhân viên sản xuất phải mang đầy đủ các trang bị này trước khi tiến hành làm việc tại các khu vực sản xuất nhất định.

Đối với các nhà cung cấp, nhà thầu và các bên thứ ba khác thực hiện công việc tại địa điểm sản xuất của Công ty, chúng tôi tiến hành giới thiệu và hướng dẫn họ thực hiện theo đúng các quy định về an toàn của Công ty.

HUẤN LUYỆN VÀ ĐÀO TẠO

Phát triển tài năng là một trong những nền tảng thành công của chúng tôi. Công ty luôn khuyến khích người lao động ngày càng phát triển năng lực và nghề nghiệp của bản thân thông qua một lộ trình phát triển rõ ràng và cơ hội thăng tiến bình đẳng.

Công ty đã tổ chức nhiều khóa đào tạo để phát triển nghề nghiệp cho người lao động, trong đó bao gồm xây dựng đội ngũ, nâng cao tay nghề và đào tạo kỹ năng bán hàng. Các khóa đào tạo này hướng đến việc nâng cao kỹ năng người lao động từ đó giúp chúng tôi cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt hơn cho khách hàng.

HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG

Một trong năm giá trị cốt lõi của Vĩnh Hoàn là sự chia sẻ. Chúng tôi luôn tích cực tham gia hỗ trợ cộng đồng và chia sẻ đến toàn thể cán bộ công nhân viên thấm nhuần giá trị này.

Công ty rất quan tâm đến cộng đồng tại địa phương. Chúng tôi đã chủ động liên hệ với các bên liên quan để tìm hiểu về nhu cầu và hỗ trợ bằng nhiều hoạt động từ thiện.

Vĩnh Hoàn luôn khuyến khích toàn thể nhân viên tham gia vào các hoạt động này. Chúng tôi đã tổ chức nhiều hoạt động từ thiện và hoạt động cộng đồng:

Chương trình hiến máu nhân đạo

Ánh sáng ước mơ

Tài trợ phẫu thuật miễn phí cho hàng nghìn bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn tại Tỉnh Đồng Tháp.

Tài trợ mổ tim, phát hành thẻ Bảo hiểm Y tế, trao xe lăn

Hàng năm, chúng tôi tiến hành trao nhiều thẻ Bảo hiểm Y tế, hàng trăm xe lăn và tài trợ cho hàng chục ca mổ tim cho người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo tại địa phương.

Trao nhà tình thương, nhà tình nghĩa, mái ấm công đoàn

Đồng hành Chắp cánh ước mơ cùng Quỹ khuyến học Nguyễn Sinh Sắc.

Nhiều năm qua, Công ty đã luôn đồng hành với Quỹ khuyến học Nguyễn Sinh Sắc để hiện thực hóa ước mơ tiếp tục đến trường cho hàng nghìn học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, biết vươn lên trong học tập và cuộc sống.

- Tài trợ xe cứu thương cho các bệnh viện ở huyện, tỉnh

- Tài trợ máy trợ thở cho các bệnh viện tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp và An Giang, chung tay góp phần đẩy lùi đại dịch COVID-19

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2019

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

- Thông tin về doanh nghiệp
- Báo cáo của Ban Giám đốc
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - DN/HN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 - DN/HN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - DN/HN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 - DN/HN)

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Mã số doanh nghiệp số 1400112623 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất ngày 14 tháng 1 năm 2020.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Bà Trương Thị Lệ Khanh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên
Ông Võ Phú Đức	Thành viên
Bà Trương Tuyết Hoa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên
Bà Phan Thị Kim Hòa	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Thái Ly	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2019)

BAN GIÁM ĐỐC

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Đức Trung	Giám đốc thường trực
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Giám đốc tài chính
Bà Hồ Thanh Huệ	Giám đốc sản xuất
Bà Trương Tuyết Hoa	Giám đốc kinh doanh
Bà Đặng Thị Thương	Giám đốc phát triển bền vững
Bà Lê Thị Diệu Thi	Giám đốc chất lượng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TRỤ SỞ CHÍNH

Quốc lộ 30, phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 44. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc

Trương Thị Lệ Khanh
Người đại diện theo pháp luật

Tỉnh Đồng Tháp, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2019 và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn 20 tháng 3 năm 2020. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên và thuyết minh cho báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 44.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

M.S.D.N: 0100157406 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM) - QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Quách Thành Châu	Trần Đỗ Vy Hạ
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0875-2018-006-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3780-2017-006-1
Chữ ký được ủy quyền	

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM9028
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Như đã nêu trong Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

MẪU SỐ B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2019 (VND)	2018 (VND)
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**4.611.361.279.524**	**4.140.347.276.090**
110	**Tiền**	**4**	**86.421.954.986**	**43.241.847.762**
111	Tiền		86.421.954.986	43.241.847.762
120	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**1.491.779.322.456**	**607.749.887.456**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5(A)	1.491.779.322.456	607.749.887.456
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.516.143.620.145**	**2.001.762.641.975**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.421.607.853.952	1.923.825.653.716
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	66.241.022.579	57.710.280.128
136	Phải thu ngắn hạn khác	8	31.363.947.940	24.064.216.893
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.069.204.326)	(3.837.508.762)
140	**Hàng tồn kho**	**9**	**1.413.752.203.473**	**1.385.654.133.209**
141	Hàng tồn kho		1.492.289.086.177	1.501.722.872.955
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(78.536.882.704)	(116.068.739.746)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**103.264.178.464**	**101.938.765.688**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		6.536.514.481	12.309.483.720
152	Thuế GTGT được khấu trừ		96.727.663.983	89.629.281.968
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.001.053.018.640**	**2.158.165.179.189**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**5.884.206.875**	**1.563.796.625**
216	Phải thu dài hạn khác		5.884.206.875	1.563.796.625
220	**Tài sản cố định**		**1.504.402.862.517**	**1.397.238.799.687**
221	Tài sản cố định hữu hình	11(A)	1.215.525.158.155	1.110.184.998.800
222	Nguyên giá		2.180.298.582.377	1.958.910.920.456
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(964.773.424.222)	(848.725.921.656)
227	Tài sản cố định vô hình	11(B)	288.877.704.362	287.053.800.887
228	Nguyên giá		304.346.297.214	294.120.452.518
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.468.592.852)	(7.066.651.631)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**335.185.361.275**	**258.754.816.482**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	335.185.361.275	258.754.816.482
250	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**1.414.429.978**	**389.355.091.933**
252	Đầu tư vào công ty liên kết	5(B)	-	387.940.661.955
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.414.429.978	1.414.429.978
260	**Tài sản dài hạn khác**		**154.166.157.995**	**111.252.674.462**
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	111.684.450.815	60.973.104.588
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19(A)	2.589.989.790	4.689.035.714
269	Lợi thế thương mại	13	39.891.717.390	45.590.534.160
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**6.612.414.298.164**	**6.298.512.455.279**

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

MẪU SỐ B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2019 (VND)	2018 (VND)
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**1.735.133.858.202**	**2.283.330.774.315**
310	**Nợ ngắn hạn**		**1.715.663.613.251**	**2.250.750.376.315**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	282.494.891.430	274.386.646.870
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		20.030.330.991	11.434.807.754
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	15	146.942.597.476	257.436.065.576
314	Phải trả người lao động		138.818.558.545	137.477.117.757
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		10.436.534.524	5.834.139.125
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	217.941.357.768	258.562.649.346
320	Vay ngắn hạn	17	866.025.048.602	1.269.447.095.123
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	32.974.293.915	36.171.854.764
330	**Nợ dài hạn**		**19.470.244.951**	**32.580.398.000**
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19(B)	3.066.844.176	14.895.000.000
342	Dự phòng phải trả dài hạn	18	7.208.887.000	7.951.048.000
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		9.194.513.775	9.734.350.000
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**4.877.280.439.962**	**4.015.181.680.964**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**4.877.280.439.962**	**4.015.181.680.964**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21,22	1.833.769.560.000	924.039.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	22	1.833.769.560.000	924.039.430.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	223.774.789.900	223.774.789.900
415	Cổ phiếu quỹ	22	(114.215.880.222)	-
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		2.931.951.970.284	2.867.367.461.064
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		1.752.829.445.064	1.609.911.936.752
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		1.179.122.525.220	1.257.455.524.312
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	2.000.000.000	-
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**6.612.414.298.164**	**6.298.512.455.279**

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Trương Thị Lệ Khanh
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

MẪU SỐ B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2019 (VND)	2018 (VND)
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**7.894.986.105.874**	**9.406.877.067.192**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(27.841.769.961)	(135.547.982.698)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**27**	**7.867.144.335.913**	**9.271.329.084.494**
11	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**28**	**(6.334.061.978.625)**	**(7.231.966.110.890)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.533.082.357.288**	**2.039.362.973.604**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	29	251.192.603.804	137.003.001.788
22	Chi phí tài chính	30	(89.669.571.442)	(167.116.436.972)
23	*-Trong đó: Chi phí lãi vay*	30	(59.533.476.528)	(55.985.954.528)
24	Phần lãi trong công ty liên kết		14.106.613.236	78.751.826.955
25	Chi phí bán hàng	31	(251.818.635.593)	(210.445.968.727)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(148.800.093.568)	(143.565.499.402)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**1.308.093.273.725**	**1.733.989.897.246**
31	Thu nhập khác		11.848.078.947	3.162.655.021
32	Chi phí khác		(10.570.032.647)	(49.590.427.383)
40	**Lợi nhuận/(lỗ) khác**		**1.278.046.300**	**(46.427.772.362)**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**1.309.371.320.025**	**1.687.562.124.884**
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	33	(139.977.904.705)	(252.063.378.043)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	19,33	9.729.109.900	6.599.729.522
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**1.179.122.525.220**	**1.442.098.476.363**
	Phân bổ cho:			
61	**Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**1.179.122.525.220**	**1.442.181.690.312**
62	**Phần thuộc của cổ đông không kiểm soát**	**23**	**-**	**(83.213.949)**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**25**	**12.559**	**15.489**
71	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**25**	**12.559**	**15.489**

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng/Người lập

Trương Thị Lệ Khanh
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

MẪU SỐ B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12

Mã số	Thuyết minh		2019 (VND)	2018 (VND)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế** Điều chỉnh cho các khoản:		**1.309.371.320.025**	**1.687.562.124.884**
02	Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	11,13	165.204.005.292	156.301.707.548
03	(Hoàn nhập)/lập dự phòng		(39.042.322.478)	96.329.303.997
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(555.705.304)	7.887.799.27
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(220.657.895.270)	(42.374.234.602)
06	Chi phí lãi vay		59.533.476.528	55.985.954.528
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**1.273.852.878.793**	**1.961.692.655.633**
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		648.229.469.821	(1.293.522.710.875)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		9.433.786.778	(652.644.352.130)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(66.864.541.568)	843.749.914.400
12	Tăng chi phí trả trước		(44.938.376.988)	(12.220.952.695)
14	Tiền lãi vay đã trả		(58.961.146.349)	(54.708.108.455)
15	Thuế TNDN đã nộp	15	(247.486.607.966)	(97.800.115.214)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(24.027.037.274)	(14.319.100.327)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**1.489.238.425.247**	**680.227.230.337**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(377.607.282.176)	(714.768.152.175)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		16.989.455.686	169.488.131.314
23	Chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		(1.971.459.435.000)	(1.777.720.000.000)
24	Thu hồi tiền cho vay và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		1.087.430.000.000	1.542.792.362.468
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(116.700.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		430.453.567.064	6.085.194.315
27	Thu lãi tiền cho vay, lãi tiền gửi và ứng trước		70.776.015.095	72.159.720.416
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(743.417.679.331)**	**(702.079.443.662)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	10.380.718.000
32	Chi mua cổ phiếu quỹ		(114.215.880.222)	-
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	17	4.677.272.193.820	4.932.839.245.502
34	Chi trả nợ gốc vay	17	(5.080.694.240.341)	(4.559.898.419.884)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	24	(184.987.352.875)	(363.381.375.400)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**(702.625.279.618)**	**19.940.168.218**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**43.195.466.298**	**(1.912.045.107)**
60	**Tiền đầu năm**	**4**	**43.241.847.762**	**45.344.991.423**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(15.359.074)	(191.098.554)
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**86.421.954.986**	**43.241.847.762**

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 36.

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng/Người lập

Trương Thị Lệ Khanh
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Vĩnh Hoàn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 1400112623 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 17 tháng 4 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất ngày 14 tháng 1 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 24 tháng 12 năm 2007 theo Quyết định số 179/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con trong Tập đoàn là:
- Nuôi trồng thủy sản nội địa; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; mua bán thủy hải sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản và thức ăn thủy hải sản; và
- Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 4 công ty con. Chi tiết các công ty con được trình bày dưới đây:

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết 31.12.2019	31.12.2018
CÔNG TY CON				
Công ty TNHH Một thành viên ("MTV") Thực phẩm Vĩnh Phước	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Ấp An Phú, Xã An Nhơn, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Collagen	Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen	Quốc lộ 30, Phường 11, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	Kinh doanh thủy sản	Cụm công nghiệp Thanh Bình, xã Bình Thành, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
Công ty TNHH SX Giống cá Tra Vĩnh Hoàn	Sản xuất giống cá tra	Ấp Vĩnh Bường, Xã Vĩnh Hòa, Thị xã Tân Châu, An Giang	96%	-
Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2	Kinh doanh lương thực	Ấp Tân An, Xã Bình Thạnh Trung, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	-	99.3%
CÔNG TY LIÊN KẾT				
Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang ("Vạn Đức Tiền Giang")	Kinh doanh thủy sản	Ấp Đông Hoà, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	-	35%
Công ty Octogone Holdings PTE. Ltd. ("Octogone")	Kinh doanh thủy sản và thực phẩm chức năng	Phòng 6 Lầu 1 Tòa nhà Bharat, Số 3 Đường Raffles Place, Singapore	-	25%

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 CƠ SỞ CỦA VIỆC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thực hành kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Tập đoàn sử dụng đơn vị trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng"). Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng xem xét trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

2.4 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CON

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

NGHIỆP VỤ VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm. Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.6 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (TIẾP THEO)

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.7 TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.8 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.9 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(A) ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

(B) ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

(C) ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc đã dự đoán từ khi đầu tư. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ")

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ") (TIẾP THEO)

kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	4 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
Phần mềm vi tính	4 – 5 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước và trong năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013; và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 8 đến 20 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

THANH LÝ

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.12 THUÊ TÀI SẢN

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước được hạch toán theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hữu dụng ước tính.

2.14 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:
• Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và
•Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.15 VAY

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.17 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phải trả phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.18 QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế TNDN và được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

2.19 DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.21 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN THUẦN

CỔ TỨC
Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.
LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích, nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.22 GHI NHẬN DOANH THU

(A) DOANH THU BÁN HÀNG
Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.22 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP THEO)

• Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.
Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(B) DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

• Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
• Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
• Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
• Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(C) THU NHẬP LÃI
Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(D) THU NHẬP TỪ CỔ TỨC
Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.23 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.26 CHI PHÍ BÁN HÀNG

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí cho nhân viên bán hàng; giới thiệu và quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, và chi phí khác.

2.27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các chi phí về lương và phúc lợi của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí dụng cụ văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.

2.28 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH VÀ THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.29 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

2.31 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.11); và
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 9)

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

3. HỢP NHẤT KINH DOANH

(A) THOÁI VỐN TẠI VẠN ĐỨC TIỀN GIANG VÀ OCTOGONE

Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 6 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc chuyển nhượng 35% vốn cổ phần tại Vạn Đức Tiền Giang và 25% vốn cổ phần Octogone cho hai đơn vị khác. Tập đoàn đã ký thoả thuận với nhà đầu tư và hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần nói trên trong năm 2019. Theo đó, hai công ty này không còn là công ty liên kết của Tập đoàn tại ngày của báo cáo tài chính này.

(B) GIẢI THỂ CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC VĨNH HOÀN 2

Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 2 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thông qua quyết định giải thể Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2. Việc giải thể đã được hoàn tất theo Thông báo ngày 7 tháng 3 năm 2019 của Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp. Theo đó, Tập đoàn không hợp nhất công ty con này kể từ ngày việc giải thể hoàn tất.

(C) GÓP VỐN VÀO CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIỐNG CÁ TRA VĨNH HOÀN

Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 2 tháng 1 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thông qua quyết định góp 45% vốn điều lệ đã đăng ký, tương đương 22.500.000.000 đồng để thành lập Công ty Sản xuất Giống cá tra Vĩnh Hoàn tại ấp Vĩnh Bường, xã Vĩnh Hòa, Thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, có ngành nghề chính là nuôi trồng thủy sản. Sau đó, số vốn cam kết tăng lên 48.000.000.000 đồng theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 30 tháng 7 năm 2019, chiếm 96% trên số vốn điều lệ đã đăng ký của công ty con này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số vốn thực góp là 28.900.000.000 đồng.

4. TIỀN

	2019 VND	2018 VND
Tiền mặt	519.020.773	327.879.395
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	85.902.934.213	42.913.968.367
	86.421.954.986	43.241.847.762

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(A) ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	2019		2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.491.779.322.456	1.491.779.322.456	607.749.887.456	607.749.887.456

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất cố định bằng Đồng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, một số khoản tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn đã được dung làm tài sản thế chấp. Chi tiết như sau:

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 63.140.000.000 đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng được cấp bởi BIDV – Chi nhánh Tiền Giang (Thuyết minh 17).

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 23.275.000.000 đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng vay của Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp tại BIDV – Chi nhánh Tiền Giang (Thuyết minh 17).

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 110.000.000.000 đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng vay của Công ty TNHH MTV Thực phẩm Vĩnh Phước.

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền là 67.500.000.000 đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng vay được cấp bởi ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp (Thuyết minh 17).

(B) ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	2019		2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Vạn Đức Tiền Giang (*)	-	-	386.880.055.875	-
Octogone (*)	-	-	1.060.606.080	-
	-	-	**387.940.661.955**	-

(*)Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 6 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc chuyển nhượng 35% vốn cổ phần tại Vạn Đức Tiền Giang và 25% vốn cổ phần tại Octogone cho các đơn vị khác. Theo đó, Tập đoàn đã tiến hành ký thỏa thuận với nhà đầu tư và hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần của hai công ty nói trên trong năm 2019.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2019 VND	2018 VND
Bên thứ ba	1.420.416.577.523	1.903.425.578.215
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)(i))	1.191.276.429	20.400.075.501
	1.421.607.853.952	**1.923.825.653.716**

Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư phải thu khách hàng là Coast Beacon với số dư phải thu là 805.245.602.134 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.451.342.974.536 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản phải thu khách hàng có giá trị 12.750.000 đô la Mỹ (tương đương 294.780.000.000 đồng theo tỷ giá áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng được cấp bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản phải thu khách hàng có giá trị 10.000.000 đô la Mỹ (tương đương 231.200.000.000 đồng theo tỷ giá áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng được cấp bởi Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 3.110.916.376 đồng và 3.956.628.834 đồng với thời gian quá hạn trên 1 năm.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2019 VND	2018 VND
Bên thứ ba (*)	66.241.022.579	57.710.280.128

Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, chi tiết các nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư khoản trả trước cho người bán là:

	2019 VND	2018 VND
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Thăng Long NK	16.815.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị lạnh và cách nhiệt TST	14.945.150.450	-
Công ty TNHH MTV Bồi Anh	7.498.160.821	31.559.401.547

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi phải thu	20.766.485.776	8.235.345.808
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh 37(b)(ii))	24.166.003	6.319.401.318
Tạm ứng	1.877.002.644	671.767.890
Phải thu khác	8.696.293.517	8.837.701.877
	31.363.947.940	**24.064.216.893**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn không có khoản phải thu khác quá hạn hoặc còn trong hạn nhưng khó thu hồi.

9. HÀNG TỒN KHO

	2019		2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	124.305.675.786	-	58.590.782.388	-
Công cụ, dụng cụ	3.574.943.479	-	2.591.935.850	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	610.712.554.848	-	516.216.251.080	-
Thành phẩm	692.424.994.629	(78.536.882.704)	918.022.718.264	(116.068.739.746)
Hàng hóa bất động sản	24.700.569.047	-	-	-
Hàng hóa	5.784.706.931	-	6.301.185.373	-
Hàng gửi đi bán	30.785.641.457	-	-	-
	1.492.289.086.177	**(78.536.882.704)**	**1.501.722.872.955**	**(116.068.739.746)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018, hàng hóa trong kho có giá trị là 8.750.000 đô la Mỹ (tương đương 202.300.000.000 đồng theo tỉ giá áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng được cấp bởi Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (Thuyết minh 17).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018, hàng hóa trong kho có giá trị 4.000.000 đô la Mỹ (tương đương 92.480.000.000 đồng theo tỉ giá áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng được cấp bởi Ngân hàng TNHH MTV ANZ – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Thuyết minh 17).

9. HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	116.068.739.746	47.979.364.105
(Hoàn nhập)/tăng dự phòng	(37.531.857.042)	95.089.375.641
Ảnh hưởng từ thoái vốn công ty con	-	(27.000.000.000)
Số dư cuối năm	**78.536.882.704**	**116.068.739.746**

Tập đoàn đã lập dự phòng giảm giá cho các hàng tồn kho có giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2019 VND	2018 VND
Chi phí vùng nuôi	32.613.217.991	7.635.739.393
Tiền thuê đất	23.818.206.801	8.505.961.397
Chi phí đền bù, giải tỏa mặt bằng	17.653.956.225	18.044.818.725
Chi phí chuyên gia	12.846.344.149	7.407.596.557
Chi phí trả trước dài hạn khác	24.752.725.649	19.378.988.516
	111.684.450.815	**60.973.104.588**

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(A) TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	774.658.381.414	1.122.666.809.589	52.428.418.695	9.157.310.758	**1.958.910.920.456**
Mua trong năm	3.012.517.400	52.748.274.608	6.210.000.000	4.067.273.436	**66.038.065.444**
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành	57.952.979.431	133.183.509.933	1.231.381.819	326.540.910	**192.694.412.093**
(Thuyết minh 12)					
Thanh lý, nhượng bán	(6.418.980.025)	(29.401.961.952)	(1.411.636.364)	(112.237.275)	**(37.344.815.616)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	**829.204.898.220**	**1.279.196.632.178**	**58.458.164.150**	**13.438.887.829**	**2.180.298.582.377**
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	266.833.886.073	552.890.111.325	24.233.836.195	4.768.088.063	**848.725.921.656**
Khấu hao trong năm	52.864.039.972	89.241.231.680	7.268.831.108	1.729.144.541	**151.103.247.301**
Thanh lý, nhượng bán	(5.583.669.656)	(27.948.201.440)	(1.411.636.364)	(112.237.275)	**(35.055.744.735)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	**314.114.256.389**	**614.183.141.565**	**30.091.030.939**	**6.384.995.329**	**964.773.424.222**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	507.824.495.341	569.776.698.264	28.194.582.500	4.389.222.695	**1.110.184.998.800**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	**515.090.641.831**	**665.013.490.613**	**28.367.133.211**	**7.053.892.500**	**1.215.525.158.155**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, TSCĐ của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 151.353.781.750 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 169.440.512.470 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh 17).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 456.452.416.348 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 443.769.390.036 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

(B) TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	292.122.432.460	1.998.020.058	**294.120.452.518**
Mua trong năm	58.802.150	956.216.500	**1.015.018.650**
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 12)	8.722.131.693	488.694.353	**9.210.826.046**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	**300.903.366.303**	**3.442.930.911**	**304.346.297.214**
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	6.000.632.101	1.066.019.530	**7.066.651.631**
Khấu hao trong năm	7.945.000.268	456.940.953	**8.401.941.221**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	**13.945.632.369**	**1.522.960.483**	**15.468.592.852**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	286.121.800.359	932.000.528	**287.053.800.887**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	**286.957.733.934**	**1.919.970.428**	**288.877.704.362**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, quyền sử dụng đất của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 42.852.671.071 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 43.867.778.575 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh 17).

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 942.106.790 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 705.229.790 đồng).

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2019 VND	2018 VND
Chi phí cho các ao nuôi cá	140.673.185.682	114.810.090.342
Dự án kho lạnh	75.756.399.580	-
Xưởng sản xuất bột cá	44.134.088.628	-
Mua sắm tài sản cố định	14.937.832.613	83.005.376.229
Xây dựng cơ bản khác tại trụ sở chính của Tập đoàn	5.280.375.655	13.040.429.061
Nhà ở cho người lao động	-	29.729.447.831
Khác	54.403.479.117	18.169.473.019
	335.185.361.275	**258.754.816.482**

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	258.754.816.482	224.285.956.057
Tăng	361.388.450.287	289.779.086.191
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(A))	(192.694.412.093)	(132.036.152.388)
Chuyển sang hàng tồn kho	(29.975.834.031)	-
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 11(B))	(9.210.826.046)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(40.875.420.564)	-
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(63.946.921.227)
Thanh lý, nhượng bán	(10.926.117.000)	(48.083.164.200)
Giảm khác	(1.275.295.760)	(11.243.987.951)
Số dư cuối năm	**335.185.361.275**	**258.754.816.482**

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	45.590.534.160	113.486.889.793
Phân bổ	(5.698.816.770)	(7.273.438.007)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(60.622.917.626)
Số dư cuối năm	**39.891.717.390**	**45.590.534.160**

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2019		2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	282.494.891.430	282.494.891.430	273.601.770.451	273.601.770.451
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)(iii))	-	-	784.876.419	784.876.419
	282.494.891.430	**282.494.891.430**	**274.386.646.870**	**274.386.646.870**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn không có nhà cung cấp nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư phải trả người bán ngắn hạn.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2019 VND	2016 VND
Thuế TNDN	139.649.542.917	247.158.246.178
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.875.428.171	2.071.219.509
Thuế thu nhập cá nhân	2.389.823.824	8.188.528.651
Các loại thuế khác	27.802.564	18.071.238
	146.942.597.476	**257.436.065.576**

Biến động thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2019 VND
Thuế TNDN	139.649.542.917	139.977.904.705	(247.486.607.966)	139.649.542.917
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.875.428.171	53.724.806.784	(50.920.598.122)	4.875.428.171
Thuế thu nhập cá nhân	2.389.823.824	16.047.937.629	(21.846.642.456)	2.389.823.824
Các loại thuế khác	27.802.564	4.602.496.737	(4.592.765.411)	27.802.564
	257.436.065.576	**214.353.145.855**	**(324.846.613.955)**	**146.942.597.476**

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2019 VND	2016 VND
Phí ủy thác xuất khẩu (*)	149.055.673.473	-
Phải trả cho Công đoàn (**)	28.873.337.116	28.753.988.040
Kinh phí công đoàn	22.625.201.864	20.665.585.171
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (Thuyết minh 24)	150.138.775	329.605.650
Các khoản phải trả khác	3.143.060.972	15.567.889.522
Bên liên quan (Thuyết minh 37(b(iv))	14.093.945.568	193.245.580.963
	217.941.357.768	**258.562.649.346**

(*) Khoản này chủ yếu bao gồm phải trả về ủy thác xuất khẩu cho Vạn Đức Tiền Giang.
(**) Đây là khoản phải trả cho Công đoàn liên quan đến dự án nhà ở xã hội cho người lao động mà Công đoàn đã ứng tiền trước.

17. VAY NGẮN HẠN

Biến động các khoản vay trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2019 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2019 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.269.447.095.123	4.677.272.193.820	(5.080.694.240.341)	866.025.048.602

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

	2019 VND	2016 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	202.575.269.313	300.380.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Tiền Giang (ii)	206.072.327.082	260.571.494.116
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iii)	102.386.146.557	320.728.673.762
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp (iv)	238.561.326.398	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh (v)	116.429.979.252	387.766.927.245
	866.025.048.602	**1.269.447.095.123**

(i) Đây là các khoản vay bằng Đồng Việt Nam với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 6) và hàng tồn kho (Thuyết minh 9).
(ii) Đây là các khoản vay bằng Đồng Việt Nam với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị là

17. VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

196.415.000.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng tại ngân hàng BIDV – chi nhánh Đồng Tháp (Thuyết minh 5).

(iii) Đây là khoản vay bằng Đồng Việt Nam. Lãi suất được xác định và thông báo bởi ngân hàng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 6) và hàng tồn kho (Thuyết minh 9).

(iv) Đây là các khoản vay bằng Đồng Việt Nam với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn và khoản tiền lãi tương ứng tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Tháp với số tiền 67.500.000.000 đồng (Thuyết minh 5).

(v) Đây là các khoản vay bằng Đồng Việt Nam với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và TSCĐ thuộc phân xưởng 1, phân xưởng 2 và phân xưởng 3 (Thuyết minh 11).

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc.

19. THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Biến động gộp của thuế TNDN hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

(A) TÀI SẢN THUẾ TNDN HOÃN LẠI	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	4.689.035.714	3.140.451.514
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 33)	(2.099.045.924)	1.548.584.200
Số dư cuối năm	**2.589.989.790**	**4.689.035.714**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh chủ yếu từ việc trích lập khoản dự phòng trợ cấp thôi việc và chênh lệch tạm thời do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ.

(B) THUẾ TNDN HOÃN LẠI PHẢI TRẢ	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	14.895.000.000	19.946.145.322
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 33)	(11.828.155.824)	(5.051.145.322)
Số dư cuối năm	**3.066.844.176**	**14.895.000.000**

19. THUẾ TNDN HOÃN LẠI (TIẾP THEO)

Thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh chủ yếu từ khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con.

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại và TNDN hoãn lại phải trả năm 2019 là 15% (2018: 15%).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cấn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	36.171.854.764	48.172.124.848
Trích quỹ (Thuyết minh 22)	20.000.000.000	10.941.230.243
Sử dụng quỹ	(23.197.560.849)	(14.053.450.327)
Ảnh hưởng từ thoái vốn công ty con	-	(8.888.050.000)
Số dư cuối năm	**32.974.293.915**	**36.171.854.764**

21. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(A) SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	2019		2018	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	183.376.956	-	92.403.943	-
Số lượng cổ phiếu đăng ký đã phát hành	183.376.956	-	92.403.943	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.430.930	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	181.946.026	-	92.403.943	-

(B) TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CỔ PHẦN

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Cổ phiếu quỹ VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	92.403.943	924.039.430.000	-	**924.039.430.000**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	92.403.943	924.039.430.000	-	**924.039.430.000**
Cổ phiếu quỹ	(1.430.930)	-	(114.215.880.222)	**(114.215.880.222)**
Cổ phiếu mới phát hành	90.973.013	909.730.130.000	-	**909.730.130.000**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	**181.946.026**	**1.833.769.560.000**	**(114.215.880.222)**	**1.719.553.679.778**

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

22. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	924.039.430.000	216.409.744.645	(3.015.672.745)	(357.597.012)	1.805.456.932.995	83.213.949	**2.942.616.051.832**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.442.181.690.312	(83.213.949)	**1.442.098.476.363**
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	7.365.045.255	3.015.672.745	-	-	-	**10.380.718.000**
Chia cổ tức 2017	-	-	-	-	(184.603.766.000)	-	**(184.603.766.000)**
Chia cổ tức 2018 (*)	-	-	-	-	(184.726.166.000)	-	**(184.726.166.000)**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.941.230.243)	-	**(10.941.230.243)**
Khác	-	-	-	357.597.012	-	-	**357.597.012**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	**924.039.430.000**	**223.774.789.900**	**-**	**-**	**2.867.367.461.064**	**-**	**4.015.181.680.964**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.179.122.525.220	-	**1.179.122.525.220**
Chia cổ tức 2018 (*)	-	-	-	-	(184.807.886.000)	-	**(184.807.886.000)**
Mua cổ phiếu quỹ (**)	-	-	(114.215.880.222)	-	-	-	**(114.215.880.222)**
Chia cổ tức năm 2019 (***)	909.730.130.000	-	-	-	(909.730.130.000)	-	**-**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (****)	-	-	-	-	(20.000.000.000)	-	**(20.000.000.000)**
Vốn tăng trong năm	-	-	-	-	-	2.000.000.000	**2.000.000.000**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	**1.833.769.560.000**	**223.774.789.900**	**(114.215.880.222)**	**-**	**2.931.951.970.284**	**2.000.000.000**	**4.877.280.439.962**

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/ĐHCĐ/NQ/19 ngày 26 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua quyết định chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả là 40% mệnh giá (4.000 đồng/cổ phiếu), tương đương với số tiền 369.534.052.000 đồng từ nguồn LNST chưa phân phối của năm 2018, trong đó Tập đoàn đã tạm ứng 20% mệnh giá, tương đương số tiền 184.726.166.000 đồng, trong năm 2018, và thanh toán phần còn lại trong năm 2019, tương đương số tiền 184.807.886.000 đồng.

(**) Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 30 tháng 8 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thông qua quyết định mua lại 2.000.000 cổ phiếu để làm cổ phiếu quỹ, tương đương số tiền 114.215.880.222 đồng.

(***) Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 11 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với số lượng cổ phiếu được phát hành là 90.973.013 cổ phiếu, tương đương số tiền 909.730.130.000 đồng từ nguồn LNST chưa phân phối của năm 2018.

(****) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/ĐHCĐ/NQ/19 ngày 26 tháng 4 năm 2019, Tập đoàn đã tiến hành trích 20.000.000.000 đồng từ LNST của năm 2018 vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

23. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của cổ đông không kiểm soát như sau:

	2019 VND	2018 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	2.000.000.000	700.000.000
Phần lỗ được phân bổ	-	(700.000.000)
	2.000.000.000	**-**

Biến động trong lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	-	83.213.949
Tăng vốn góp của chủ sở hữu	2.000.000.000	-
Lỗ thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát trong năm	-	(83.213.949)
Số dư cuối năm	**2.000.000.000**	**-**

24. CỔ TỨC

Biến động của khoản cổ tức phải trả trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	329.605.650	179.712.750
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 22)	184.807.886.000	369.329.932.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(184.987.352.875)	(369.220.123.400)
Điều chỉnh khác	-	40.084.300
Số dư cuối năm (Thuyết minh 16)	**150.138.775**	**329.605.650**

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1.179.122.525.220	1.442.181.690.312
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(20.000.000.000)	(10.941.230.243)
	1.159.122.525.220	**1.431.240.460.069**
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	92.292.511	92.403.943
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	**12.559**	**15.489**

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi thực trích trong năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 của Tập đoàn đã được thông qua trong Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2019.

Công ty không có cổ phiếu tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(A) TÀI SẢN THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu có thể thu trong tương lai của hợp đồng tài sản thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày ở Thuyết minh 38.

(B) NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

	2019	2018
Đô la Mỹ (“USD”)	202.137	1.255.473
Euro (“EUR”)	1	306
Nhân dân Tệ (“CNY”)	3.114	3.308

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2019 VND	2018 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	5.698.120.250.921	7.365.724.314.301
Doanh thu bán hàng hóa	1.162.709.947.805	864.339.064.166
Doanh thu bán phụ phẩm	969.965.375.570	1.102.358.015.774
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.109.638.089	53.036.040.517
Doanh thu bán nguyên vật liệu	10.080.893.489	21.419.632.434
	7.894.986.105.874	**9.406.877.067.192**
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	(20.712.479.716)	(130.445.563.339)
Hàng bán bị trả lại	(7.129.290.245)	(5.102.419.359)
	(27.841.769.961)	**(135.547.982.698)**
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**7.867.144.335.913**	**9.271.329.084.494**

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2019 VND	2018 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.396.776.565.588	5.313.506.084.951
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.110.617.092.330	819.793.209.563
Giá vốn của phụ phẩm đã bán	844.303.293.714	975.196.132.196
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.827.719.355	6.893.857.579
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	15.069.164.680	20.703.415.741
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(37.531.857.042)	95.089.375.641
Khác	-	784.035.219
	6.334.061.978.625	**7.231.966.110.890**

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2019 VND	2018 VND
Lãi từ thoái vốn công ty liên kết	120.745.154.926	-
Lãi tiền gửi	75.733.338.719	64.905.144.122
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	47.140.293.815	64.633.682.907
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	7.544.260.344	4.124.353.199
Khác	29.556.000	3.339.821.560
	251.192.603.804	**137.003.001.788**

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền vay	59.533.476.528	55.985.954.528
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	29.558.675.340	34.114.798.298
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	577.419.574	7.530.202.267
Lỗ từ thoái vốn công ty con	-	69.284.816.179
Chi phí tài chính khác	-	200.665.700
	89.669.571.442	**167.116.436.972**

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2019 VND	2018 VND
Chi phí vận chuyển, lưu kho và các chi phí dịch vụ mua ngoài khác	186.960.524.258	138.313.163.818
Chi phí hội chợ, quảng cáo	17.102.210.254	18.675.463.164
Chi phí nhân viên	8.938.319.798	10.150.139.934
Chi phí khác	38.817.581.283	43.307.201.811
	251.818.635.593	**210.445.968.727**

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2019 VND	2018 VND
Chi phí và phúc lợi nhân viên	55.595.124.759	50.251.394.825
Chi phí dụng cụ	13.010.518.374	7.179.709.197
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.485.254.857	11.711.278.304
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	5.698.816.770	7.273.438.007
Chi phí khác	64.010.378.808	67.149.679.069
	148.800.093.568	**143.565.499.402**

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài Chính, Công ty và Công ty TNHH MTV Thực phẩm Vĩnh Phước chịu thuế TNDN theo mức thuế suất lần lượt là 15% cho hoạt động chế biến thủy hải sản.

Các công ty con trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN như sau:

Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn Collagen

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000127 ngày 14 tháng 3 năm 2013 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 10% trong 30 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được ưu đãi thuế, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp ("Thanh Bình")

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 7664856881 ngày 28 tháng 2 năm 2017 và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, Thanh Bình được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mở rộng mang lại. Thanh Bình chịu mức thuế TNDN là 10% cho hoạt động chế biến thủy hải sản và 20% cho các hoạt động khác.

Công ty TNHH Sản xuất Giống cá Tra Vĩnh Hoàn ("Giống cá Tra Vĩnh Hoàn")

Theo Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài Chính Giống cá Tra Vĩnh Hoàn được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Giống cá Tra Vĩnh Hoàn chịu mức thuế TNDN là 10% cho hoạt động nuôi trồng thủy hải sản.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20%.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng (20%) theo quy định của các luật thuế hiện hành như sau:

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.309.371.320.025**	**1.687.562.124.884**
Thuế tính ở thuế suất 20%	261.874.264.005	337.512.424.977
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(18.476.173.000)	(15.750.365.391)
Chi phí không được khấu trừ	2.635.593.364	4.091.583.704
Ưu đãi thuế	(114.286.676.724)	(81.881.067.519)
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	-	(4.418.903.610)
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(1.498.212.840)	879.328.573
Dự phòng thừa của năm trước	-	(20.497.535)
Khác	-	5.051.145.322
Chi phí thuế TNDN	**130.248.794.805**	**245.463.648.521**
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	139.977.904.705	252.063.378.043
Thuế TNDN - hoãn lại (*)	(9.729.109.900)	(6.599.729.522)
	130.248.794.805	**245.463.648.521**

(*) Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ các khoản sau:

	2019 VND	2018 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	3.066.844.176	14.895.000.000
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.689.035.714	3.140.451.514
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.589.989.790)	(4.689.035.714)
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(14.895.000.000)	(19.946.145.322)
Tổng chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	**(9.729.109.900)**	**(6.599.729.522)**

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	6.783.669.147.125	7.267.652.647.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.066.297.296.110	838.417.277.239
Chi phí nhân công	784.019.039.009	760.221.527.228
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	165.204.005.292	156.301.707.548
Chi phí bằng tiền khác	191.307.395.213	188.574.830.491
	8.990.496.882.749	**9.211.167.990.384**

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ:
Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu. Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng

	2019 VND	2018 VND
Xuất khẩu	6,574,167,873,197	7,828,733,084,649
Trong nước	1,292,976,462,716	1,442,595,999,845
Doanh thu thuần	**7.867.144.335.913**	**9.271.329.084.494**

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH:
Hoạt động nuôi trồng, chế biến và kinh doanh thủy sản là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

36. THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT ("BCLCTT")

(A) CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BCLCTT

	2019 VND	2018 VND
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang TSCĐ hữu hình	192.694.412.093	132.036.152.388
Mua TSCĐ hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	9.958.831.641	13.447.049.575

36. THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT ("BCLCTT") (TIẾP THEO)

(B) SỐ TIỀN ĐI VAY THỰC THU TRONG NĂM

	2019 VND	2018 VND
Vay theo khế ước thông thường	4.677.272.193.820	4.932.839.245.502

(C) SỐ TIỀN ĐÃ THỰC TRẢ NỢ GỐC VAY TRONG NĂM

	2019 VND	2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	5.080.694.240.341	4.559.898.419.884

37. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(A) GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2019 VND	2018 VND
I. Doanh thu bán hàng và dịch vụ		
Octogone (Guangzhou) Trading Co., Ltd (*)	319.573.411.453	303.549.904.485
Vạn Đức Tiền Giang (*)	22.336.214.683	49.664.919.821
Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đức	7.929.237.114	7.684.258.097
	349.838.863.250	360.899.082.403
II. Mua hàng hóa và dịch vụ		
Vạn Đức Tiền Giang (*)	8.440.846.799	21.378.254.097
Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đức	116.200	-
Các cá nhân liên quan	26.622.495.360	51.443.889.800
	35.063.458.359	72.822.143.897
III. Bán tài sản cố định		
Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đức	15.191.995.392	51.152.531.314
IV. Mua tài sản cố định		
Vạn Đức Tiền Giang (*)	2.481.818.182	-
V. Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	25.599.136.382	29.522.163.775
VI. Cho vay ngắn hạn		
Vạn Đức Tiền Giang (*)	6.000.000.000	-
VII. Thu nhập từ lãi vay		
Vạn Đức Tiền Giang (*)	29.556.000	325.249.000

(*) Đây là giá trị cho các giao dịch từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 khi Vạn Đức Tiền Giang còn là công ty liên kết của Tập đoàn.

Đây là giá trị cho các giao dịch từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 8 năm 2019 khi Octogone còn là công ty liên kết của Tập đoàn.

MẪU SỐ B 09 – DN/HN

37. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(B) SỐ DƯ CUỐI NĂM VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	2019 VND	2018 VND
I. Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)		
Vạn Đức Tiền Giang	-	17.284.229.152
Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đức	1.191.276.429	3.115.846.349
	1.191.276.429	20.400.075.501
II. Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8)		
Octogone	-	6.000.000.000
Vạn Đức Tiền Giang	-	94.039.000
Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	24.166.003	225.362.318
	24.166.003	6.319.401.318
III. Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Vạn Đức Tiền Giang	-	784.876.419
IV. Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)		
Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đức	14.093.945.568	28.042.019.445
Vạn Đức Tiền Giang	-	165.203.561.518
	14.093.945.568	193.245.580.963

38. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2019 VND	2018 VND
Trong vòng 1 năm	8.475.952.356	4.723.752.054
Từ 1 đến 5 năm	31.738.275.305	18.895.008.214
Trên 5 năm	33.065.424.857	25.922.371.221
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	**73.279.652.518**	**49.541.131.489**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 20 tháng 3 năm 2020.

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng/Người lập

Trương Thị Lệ Khanh
Người đại diện theo pháp luật

KHUYẾN CÁO VỀ SỬ DỤNG BÁO CÁO

Tất cả các nhận định hoặc phát biểu trong quyển báo cáo này không phải là những dữ liệu ghi lại các sự kiện đã xảy ra, mà trong đó có bao hàm những "nhận định về tương lai". Những nhận định này có thể có những từ ngữ như "dự đoán", "tin tưởng", "có thể", "ước tính", "dự kiến", "dự phóng", "kỳ vọng", "dự định", "kế hoạch", "nhắm đến", "sẽ" hoặc những từ ngữ tương tự. Tuy nhiên, đây không phải là những dấu hiệu duy nhất để xác định và nhận biết chúng. Toàn bộ các bài viết dự đoán về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch và triển vọng đều được xem là những nhận định về tương lai. Ngoài ra, chúng còn bao gồm cả những bài viết về chiến lược kinh doanh, triển vọng doanh thu và lợi nhuận (bao gồm, nhưng không giới hạn những dự phóng hoặc dự báo về tài chính hoặc hoạt động kinh doanh), dự án được lên kế hoạch và các vấn đề khác trong tài liệu này mà không phải là những dữ kiện đã xảy ra. Những nhận định về tương lai và dự báo được trình bày trong báo cáo cũng tùy thuộc vào những rủi ro xác định và không xác định, những bất trắc nhất định và các yếu tố khác vốn có thể khiến kết quả tài chính, hiệu quả kinh doanh hoặc thành tích thực tế hoàn toàn khác biệt so với những nhận định về tương lai hoặc dự báo đó.

Những nhận định về tương lai này dựa trên niềm tin và giả định được chúng tôi xây dựng từ những thông tin có sẵn. Triển vọng của Công ty chủ yếu dựa trên diễn giải của chúng tôi về các yếu tố kinh tế quan trọng có ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam, đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và các doanh nghiệp của chúng tôi. Mặc dù chúng tôi tin rằng các giả định nền tảng của những nhận định về tương lai là hợp lí trong thời điểm hiện tại, nhưng bất kỳ giả định nào cũng đều có thể sai lệch trong thực tế khiến cho những nhận định về tương lai dựa trên giả định đó trở nên thiếu chính xác. Kết quả thực tế có thể sai biệt đáng kể so với những thông tin trong nhận định về tương lai do nhiều yếu tố, đa phần nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Do đó, các nhà đầu tư cần lưu ý không phụ thuộc quá nhiều vào những nhận định về tương lai được trình bày trong báo cáo này. Chúng chỉ có hiệu lực vào ngày lập báo cáo hoặc ngày tương ứng được nêu trong báo cáo, và Công ty không có nghĩa vụ cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định nào, cho dù có xuất hiện những thông tin mới hoặc những sự kiện tương lai.

VINH HOAN®

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Quốc lộ 30, Phường 11,
Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: +84 277 389 1166
Fax: +84 277 389 1062
Website: www.vinhhoan.com